

# NAN ĐỀ CHỮ HÁN & HÁN NHO

( *Thân tặng quý Vị chống Nho giáo và Nguyên Nho của Khổng Tử* )

## A.- Vào đề

Hán Nho và Chữ Hán là vấn đề khúc mắc làm cho nhiều người rất bận tâm, vì xưa nay người ta cứ định ninh chữ Hán và Hán Nho là của riêng Trung Hoa. Trung Hoa đã cao rao là dạy Hán Nho cho Việt Nam. Hán Nho của Trung Hoa đã làm cho Vua quan Việt Nam các triều đại xưa bị mê ngủ trong nền học vấn “ **Tầm chương trích cú** “, họ chỉ say mê làm sao cho Thi Phú của họ được giống Tàu, hễ nghe đến câu nào được trích dẫn mà bắt đầu có câu **Tử viết** ( của Khổng Tử ) là tin ngay như người Kitô giáo tin lời Chúa, mà không ngờ rằng có một số câu Tử viết đó lại do nhà cầm quyền Tàu về sau cố ý xen dậm vào để nhân danh Vương đạo của Khổng Tử hầu giúp họ thực hiện bá đạo của Đại Hán.

Qua trường kỳ lịch sử, Tàu đã cai trị Việt Nam 4 lần hơn hơn 1000 năm, sau đó đem quân qua đánh chiếm Việt Nam nhiều lần, nhưng lần nào cũng bị thảm bại.

**Dã tâm của Tàu là tiêu diệt Tinh thần Bất khuất của Dân tộc Việt Nam bằng cách tiêu diệt Văn hoá và tiêu diệt thành phần Tinh hoa của Dân Việt, nhất là qua sự tiếp tay của CSVN ngày nay.**

Ngày xưa, Tàu đã cưỡng chiếm mọi thứ của chúng Việt nhất là Văn hoá, sau khi công thức hoá thành Kinh Điển lại xen dậm, cạo sửa, xuyên tạc thành Hán Nho bá đạo, rồi tìm cách “ **Chiếm Công vi Tư** “, vì Văn hoá Nho của đại chúng Việt là Nho Vương đạo, có Nền tảng triết lý Nhân sinh ( nhưng chưa kịp khai triển thành hệ thống ) về Vũ trụ quan, Nhân sinh quan, và Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình, để cải tiến Dân sinh, nâng cao Dân trí và Chấn hưng Dân khí để mưu phúc lợi cho toàn dân, thì đã bị Tàu chiếm lấy, công thức hoá thành Kinh Điển ( lẽ dĩ nhiên phải có sự góp công lớn của các Quan chúng Việt chủ nhân của Văn hoá đóng góp, chứ thành phần Du mục làm Vua biết gì về Văn hoá mà soạn Kinh với Điển, nhưng họ có công giúp quan lại biên soạn Kinh Điển để họ được xứng với ngôi Thiên Tử ).

Sau đó Tàu lại cố tâm chiếm làm của Riêng mình với âm mưu **Dịch Chủ vi Nô** ( Biến Thằng vô Văn hóa thành Ông Chủ Văn hóa ). Thế rồi Thiên tử Tàu cao rao đã đem đạo Thánh Hiền Hán Nho khai hóa Dân Nam Man ( Việt Nam ) mọi rợ, mặt khác đem **những câu “ Trọng Nam, khinh Nữ, Tôn quân làm Thiên Tử với Ngu Trung và ngu Hiếu, như “ Quân xử Thần tử, Thần bắt tử, tặc bắt trung, Phụ xử Tử vong, Tử bắt vong, tặc bắt Hiếu “** cùng tư tưởng cai trị độc tài của Pháp gia theo nền Văn hoá bạo động của Du mục vào Việt Nho biến Nho thành Hán Nho bá đạo, cùng với chính sách luôn gây Chiến tranh để Cướp bóc hầu giam hãm nhân dân nước ta sống trong tình trạng lạc hậu.

Khi dành được độc lập từ tay người Pháp và tiếp xúc với Văn minh Tây phương, các nhà trí thức Việt Nam nhận thấy nền Văn minh Tây phương sáng lạng quá, khi nhìn qua sinh hoạt mấy ông Vua, Quan, Hào, Lý Việt Nam lại què mùa lạc hậu, nên sinh ra căm thù Nho mà không hiểu đó chỉ là thứ Hán Nho bá đạo của Tàu, mà không ngờ rằng Việt Nam còn có thứ Nho khác lại Vương đạo, một mặt đã hiện diện trong Hán Nho, nhưng mặt khác quan trọng hơn là đã thâm nhập vào Huyết quản, trong nếp sống của từng con dân Việt qua Lời Ăn Tiếng Nói, cách Ăn Mặc, qua Lễ hội, qua Phong tục Tập quán cũng như nếp Sống hàng ngày, nhưng vì mất ý thức về Nguồn Gốc nên con cháu không nhận ra.

( Xin xem cuốn Văn Hiến Việt Nam của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net.index )

Sau thời gian dài Bắc thuộc, quân Tàu còn qua đánh chiếm Việt Nam nhiều lần, lần nào quân Tàu cũng tịch thu sách Nho và phá Bia ký có chữ Nho của Việt Nam, trong đó có cuốn “ **Binh yếu lược** “ của Đức Trần Hưng Đạo.

**Qua trường kỳ Lịch sử Trung Hoa, chính các nhà cầm quyền Tàu cũng đã bách hại Nho đến 6 lần.**

**Trong thời Pháp thuộc, người Pháp cũng ghét Nho, vì họ nhận ra chính Nho là tinh thần Bất khuất của Việt Nam, nên họ cố võ phong trào truyền bá Quốc ngữ để cho Nho bặt Gốc nhanh làm cho suy yếu tinh thần Bất khuất để dễ bề cai trị.**

## **B.- Lý do Tàu chống Nho**

Khi nào Tàu cũng cao rao Nho là của riêng Tàu, nhưng sao trong lịch sử Trung Hoa có đến 6 lần Tàu đánh phá Nho?

1.

- Vì các nhà cầm quyền Tàu từ Thủy Tổ Hiên Viên Hoàng đế ( 2697BC ) về sau đều thuộc dòng Văn hoá bạo động của Du mục, Hiên Viên từ Tây Bắc tràn qua phía trên Sông Hoàng Hà , rồi tràn xuống vùng Trung nguyên giữa hai dòng sông Hoàng Hà và Dương Tử, thôn tính các chủng Việt. Hiên Viên đánh bại Sĩ Vưu lãnh tụ Nông nghiệp của Đại chủng Việt. thôn tóm mọi thứ từ Đất đai, Dân số, các Phát minh như cách làm giấy, luyện đồng, luyện sắt nhất là Văn hoá để lập nên nước Tàu sau Họ Hồng Bàng những 182 năm.

Từ Hiên Viên Hoàng đế tới nay, các nhà cầm quyền Tàu đa số sống theo nền **Văn hoá Du mục là nền Văn hoá Bạo động, gây Chiến tranh để Cướp bóc và Bành trướng.**

Trải qua đời Tam Hoàng: Các nhân vật Văn hóa như Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông đến Ngũ Đế tới Hạ, Thương trong lịch sử Trung Hoa đều thuộc chủng Việt.

Khởi đầu từ Hiên Viên Hoàng đế đến **nhà Chu**, nhà cầm quyền Tàu bắt đầu đem các yếu tố Du mục của họ vào Nguyên Nho của Khổng Tử để cai trị dân theo lối Bạo động có nguồn từ Trung Đông như Iran, Iraq. . . :

- a.- Trọng Nam khinh Nữ
- b.- Tôn Quân làm Thiên Tử
- c.- Thiết lập luật hình.
- d.- Lập Quân đội chuyên nghiệp
- e.- Thực hiện chế độ Hoạn quan ( Đâu cơ đàn bà )
- g.- Chiếm Công vi Tư ( Phong đất cho quần thần, lập chế độ Quân chủ Phong kiến )

2.

- **Tần Thủy Hoàng** đốt Sách chôn Nho sĩ ( Phần thư Khanh Nho )

3.

- **Hàn Vũ Đế** lập Gác Thạch Cừ xuyên tạc Nho biến Nguyên Nho thành Hán Nho bá đạo.

4.

**Nhà Nguyên** xếp Nho dưới hạng con đĩ .

5.

**Nhà Thanh** đâm chân lên áo mũ Nho.

6.

- **Mao Trạch Đông** tiêu diệt Nho, vì cho “ **Khổng Khâu** **nghiết phần chi học**: Cái học Khổng giáo là cái học ăn cướp ! “.

*Do những sự thêm, bớt, xuyên tạc, bách hại như trên mà Nguyên Nho của Khổng Tử biến thành Hán Nho, khiến Hán Nho trở thành một mớ hổ lốn gồm các yếu tố Vương Đạo của Văn hoá phương Nam ( tức cũng là của Việt Nam do đức Khổng thuật lại ) và yếu tố bá đạo bạo động của nền Văn hoá Du mục ( từ Tây Bắc truyền qua tức là Trung Đông ) do các nhà cầm quyền Tàu vừa tẩy xóa vết tích, vừa thêm vào và xuyên tạc ý nghĩa .*

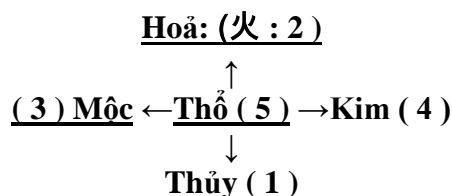
### III.- Khổng Tử thuật lại Nguyên Nho của Tổ tiên Việt

*Chúng ta nên biết Nguyên Nho của Khổng Tử được gọi là Khổng giáo thực ra là Nguyên Nho của đại chủng Việt, đức Khổng Tử đã bảo, ngài không sáng tạo ra Nho, mà chỉ thuật lại Văn hóa của Tổ tiên Nghiêu Thuấn ( **Tổ thuật Nghiêu Thuấn** ), Nghiêu Thuấn đều là nhân vật Văn hoá Nông nghiệp, chứ không phải là nhân vật Du mục như lãnh tụ Du mục Hiên Viên Hoàng đế, Thủy tổ đầu tiên của Đại Hán .*

*Đức Khổng Tử định nghĩa Nho như sau: “ **Khoan nhu dĩ giáo, Bất báo vô đạo, Nam phương chi cường giả, Quân tư cư chi**: Nho lấy điều khoan hòa nhu thuận để dạy bảo*

nhau, ( không dùng bạo lực như Văn hoá Du mục để “**Đi Cường lẳng Nhược**: Lấy Mạnh hiếp Yếu “ như Tàu xưa nay ), nên không báo oán người vô đạo, Văn hoá này của phương Nam này là dũng mạnh, người quân tử ( tử tế ) nên sống theo nếp đó.

Phương Nam là nơi nào mà có thứ Văn hoá khoan hoà nhu thuận đó ?  
Xin xem Đồ hình và Số độ của Ngũ hành:



Đồ hình và Số độ của Ngũ hành

Theo Ngũ hành thì phương Nam thuộc hành Hỏa ( 火 ) là **Viêm bang của Viêm Đế tức Tỉ Tổ Thần Nông người Việt ở phương Nam**, Thần Nông khai sinh ra nền Văn hóa Nông nghiệp, chữ Viêm gồm hai chữ Hỏa ( 炎 ), Hỏa là lửa tức là năng lượng của Mặt Trời, nên Viêm Đế có tục thờ Mặt Trời, Mặt Trời là năng lượng giúp Hoa màu sinh sôi nảy nở, đơm hoa kết quả nuôi dưỡng cuộc sống con Người, nên Viêm Đế có tục thờ Trời, từ hai lý do trên mà Dân Việt Nam ta nhận ra Nho là của Tổ Tiên Việt, tục Thờ cùng Ông Bà của Việt Nam bắt đầu từ đó, chứ Tàu không thờ Ông Bà Tổ tiên, không có Văn Tổ theo Ngũ hành, ngoài ra nền tảng của Nho là Âm Dương hoà và Ngũ hành mà Tàu lại không có!

### C.- Tàu không sáng tạo ra Nho, nhưng lại có Hán Nho

Văn hóa Tàu chỉ có độc cực Ròng ( mượn của Việt, vì Vật Tổ của Tàu trước tiên là Chim Cú thời Hiên Viên Hoàng đế tới Bạch mã đời nhà Thương, sau mới mượn Ròng ( Cương ) từ đời nhà Hán, mà không mượn Tiên, vì Tiên ( Nhu ) không hợp với khẩu vị bạo động của Du mục ).

Ròng là Độc Dương, nên bất biến, bất hóa, không biến hoá được thì đương nhiên là không có Dịch, Không có Dịch là không có Cơ cấu Ngũ hành, vì Ngũ hành chỉ là cách sắp xếp các cặp đối cực ( Thủy / Hỏa, Mộc / Kim ) theo Khung Thập tự nhai ( Chữ Thập ) để xây dựng nên các Đồ hình và Số độ tương ứng của từng hành.

### Đồ hình ( Thủy / Hỏa, Mộc / Kim ) là Cơ cấu của Nho

và Số độ ( 1 / 2, 3 / 4, 5 ) mang ý nghĩa Nội dung của Nho, nhất là tinh thần triết lý An vi.

Lại nữa Tàu cũng chẳng có Bộ số Cơ cấu 2-3, 5 của Nho nơi Huyền sử cũng như trong nhiều Cổ vật, đặc biệt là cây Phủ Việt mang Danh tính và Thế tính của Văn hoá Việt nên chắc chắn là người Tàu không sáng tạo ra Dịch, không có Dịch là không có Nho và cũng chẳng có Triết lý An vi ( Linh hồn của Âm / Dương hoà ) .

Còn Hán Nho cũng như 64 quẻ kếp của Dịch mà người Tàu có được là do cưỡng đoạt của chúng Việt, rồi “ **Dịch Chủ vi Nô** “đó là “ **Chiếm Công vi Tư**: Công là vì Nô là Chung của đại chúng Việt,( Đặc biệt là Việt Nam là nơi được ký thác nhiều hơn hết ) mà Tư là của riêng của Tàu thuộc Văn hoá bạo động Du mục , kết quả là qua thời gian dài Dân Việt Nam tin rằng “ **Thằng ăn cướp Văn hoá mình biến thành Ông Chủ Văn hoá của mình** “, hết như CSVN ngày nay, và Tàu lại còn tệ hơn nữa, Thiên tử Tập chẳng đã cao rao Biến động là lãnh hải Trung hoa đã có từ ngàn xưa, đây là vấn đề không thể tranh cãi, trong khi đó không có cứ liệu nào để chứng minh, nhưng cứ tuyên bố bừa, trong khi tất cả các nước trên Quốc tế đều phủ nhận!

#### **D.- Cuộc đánh tráo Chủ Văn hoá của Tàu qua 4715 năm ( tính đến 2018 )**

Do bị đánh tráo vai trò Chủ Nô lâu ngày, nên đa số dân Việt Nam đã tin tưởng hay không còn quan tâm đến vấn đề Dân tộc mình có Văn hoá hay không Văn hoá, **nên khi Quốc gia gặp rắc rối là tỏ ra bốn phương học người ngoài để tìm cách cứu nước và dựng nước, nhưng chỉ học được cái vỏ bề ngoài của Văn minh người ta, tức là chỉ hót được cái Ngọn thì thắp vào cái Gốc nào cho cái Ngọn được sinh tồn mà đâm chồi nảy lộc đặng đơm hoa kết quả, chưa nói tới cái Văn chương lãng mạn Pháp ru ngủ trí thức nô lệ và nhất là độc được CS của Tây phương tiêu diệt Tâm Trí con Người!**

**Thật không ngờ rằng lối đánh tráo nham hiểm của Tàu đã làm cho Dân tộc mình trở nên mất Gốc, Gốc đây là Tinh hoa của Việt Nho, chứ đừng lầm là Hán Nho.**

**Do lối thâm hiểm lộn sòng này mà ngày nay đã làm cho nhiều nhà Nho cũng như nhà làm Văn hoá Việt bị ngộ nhận, thay vì đã kích Hán Nho bá đạo lại đã kích Khổng Tử, nên đã kích luôn tinh hoa Việt Nho là tinh thần Bất khuất của Dân tộc.**

Chúng tôi có ông bạn TS ở ngoài nước làm Văn hoá có viết cuốn Việt Đạo, khi nào ông ấy cũng chê trách chế độ Nho quan hủ lậu ngày xưa, mà kết án Khổng Tử, kết án Nho giáo, và ở trong Nước cũng có vị Thạc sĩ đã tốt nghiệp ở trường danh tiếng bậc nhất của Hoa Kỳ cũng làm Văn hoá bằng cách đem tinh hoa của Văn minh nền Dân chủ Tây phương để Cứu nước, vị Thạc sĩ này cũng đem mấy câu Nho để đã kích Vua quan, đã kích Nho giáo, đó là câu:

**“ Quân xử Thần tử, Thần bắt tử, tặc bắt Trung  
“ Phụ xử Tử vong, Tử bắt vong, tặc bắt Hiếu “**

( Tiếc thay hai vị đó chẳng nghiên cứu Nho nên không rõ đây là lời của Thái Tử Phù, con của Tần Thủy Hoàng, chứ không phải là lời của Khổng Tử )

Việc hai vị Trí thức yêu nước này đã kích chế độ Vua quan hủ lậu, cũng như mối Liên hệ một chiều từ Trên xuống dưới của Vua Quan gây ra ngu Trung, ngu Hiếu là đúng, là rất cần thiết, nhưng đã kích Khổng Tử, đã kích Nho giáo là sai, là vì các Vị đó chưa biết đến cái Gốc thâm căn cố đế hàng 5 ngàn năm của Dân tộc, chính cái Gốc này là nguồn của tinh thần Bất khuất của Dân tộc, tuy sống sát nách với kẻ thù khổng lồ vô cùng nham hiểm, nhưng Tinh thần này đã giúp cho Dân tộc trường tồn suốt dòng Lịch sử 4897 năm, tuy chưa hoàn toàn tỉnh giấc, nhưng sẽ bừng lên nay mai để quét đi những rác rưởi do chế độ Phi Nhân và Bất Nghĩa do đảng Cướp Quốc tế CS gây ra .  
**Tinh thần đó là:**

## **Nhân / Nghĩa, Hùng / Dũng hay Nhân / Nghĩa nhập thân.**

Vì không chịu Tu Thân để sống sao cho “ **Nhân Nghĩa nhập thân** “ lại đổ lỗi cho Nhân Nghĩa là lỗi thời, là không văn minh, thử hỏi khi con Người bỏ Tình người là **mối Tình giúp kính trọng, Yêu thương và bao dung nhau, đồng thời ăn ở Phải Người phải Ta với nhau** thì có quê mùa lạc hậu không?

Đây là lối sống Lấy sự Hoà làm quý, mục tiêu của cuộc sống theo Tiêu chuẩn Nhân Nghĩa để mọi người sống Hòa yên vui với nhau, mà không tìm cách sống oanh liệt bằng cách đấu đá nhau để dành nhau Thắng Bại để cả hai bên cùng bị tổn thương.

Do đó mà Tổ tiên mình bảo: “ **Khảng khái tùng Vương, Dị, Thung dung tự Nghĩa, Nan:** Hăng hái vác gươm giáo đi đánh Đông dẹp Bắc theo Vua hay theo Đảng mà Giết để Cướp thì dễ hơn là cứ sống thong dong theo lẽ Công bằng mà sống hòa vui với mọi người “.

Sở dĩ các thế hệ sau khinh khi Nhân Nghĩa, xa rời Nho là vì có các Nho gia, có các nhà làm chính trị miệt cứ : “ **Giảng Đạo đức, thuyết Nhân Nghĩa** “ nhưng họ lại sống phản chứng với Nhân nghĩa, nói cách khác là lối sống của họ lại Phi Nhân Bất Nghĩa, còn những người khác thay vì chống những người Phi Nhân Bất Nghĩa, thì lại chê bai Nhân Nghĩa mà xa rời Nho giáo, nên mới gây ra tai họa.

Lại thêm, nền Văn hoá Tổ Tiên có tính cách **Nội khởi**, nghĩa là “ **tự mỗi người tự nguyện** “ làm chuyện Nhân Nghĩa để sống Công bằng mà Hoà với Người khác, chứ không phải thấy người khác không sống theo Nhân Nghĩa mà bài bác Nhân nghĩa để bào chữa cho lối sống xa Nhân Nghĩa của mình!

Về Văn hoá và Tôn giáo trên thế giới thì không có giá trị nào cao quý và có ơn ích cho con người hơn bằng :

**Từ bi Trí huệ, Hỷ xả của Phật giáo**

**Bác ái Công bằng, Tha thứ của Kitô giáo.**

**Nhân ái, Lý công chính, Bao dung ( hay Nhân Nghĩa, Hùng Dũng ) của Nho giáo.**

Đây là những giá trị thuộc **nguồn Tâm linh là nguồn Tĩnh, ở đó không có biến hóa nên thường hằng**, do đó mà những giá trị trên không có Mới, Cũ, Tân tiến hay Lạc hậu gì hết, miễn là con Người biết cách sống theo những giá trị đó thì luôn Hoà vui với nhau, còn sống ngược lại với các giá trị đó thì luôn vướng vào vòng khổ lụy!

## **E.- Có nhiều thứ Nho**

Việc đầu tiên là chúng ta phải biết Nho phát xuất từ đâu, có bao nhiêu thứ Nho. Cơ cấu cùng Nội dung của mỗi thứ Nho ra sao, thì khi đó sự suy xét của chúng ta mới tránh được phân thiên lệch.

### **I.- Thái Nho**

Theo sự khai quật vô cùng sáng tạo và công phu của Triết gia Kim Định thì có nhiều thứ Nho. Khởi đầu là **Thái Nho** được kết tinh tại Thái Bình Dương được nhận diện qua Huyền Thoại Thần Tanê ở Thái Bình dương lên thăm kho Trời thì được ban cho **3 thúng Khôn và 2 thùng Quyền lực** và qua Thao thiết Văn quỳ Long, giúp ta nhận ra là hình ảnh Tiên Rồng. Đó là kết tinh sơ khai của Nho:

*Nguồn gốc Bộ Huyền số 2 -3 ( Vài / Ba hay Tham Thiên / Lương Địa ).*

## **II.-Hoàng Nho**

Tiếp đến là **Hoàng Nho** thuộc thời Tam Hoàng ở Trung Hoa với Bộ sách: Tam phân ( 3 ), Ngũ Điển ( 5 ), Bát sách ( 8 ), Cửu khâu ( 9). Đó là bộ Huyền số của Hoàng Nho, nhưng nhà Chu đã để mất!

## **III.- Nguyên Nho ( mang tên Khổng giáo )**

Tới **Nguyên Nho** được đức Khổng Tử thuật lại từ nền Văn hoá phương Nam của Việt tộc, sau này các môn đệ soạn thành Lục kinh và Tứ thư của Trung Hoa.

## **IV.- Chu Nho**

Đến đời nhà Chu thì nhà cầm quyền Tàu đem các yếu tố Du mục vào Nguyên Nho như đã kể trên, thay vì Dịch là tài sản chung, nhà Chu chiếm làm của riêng mang tên Chu Dịch, Nguyên Nho bắt đầu trở thành bá đạo.

## **V.- Hán Nho**

Đến nhà Tần thì Tần Thủy Hoàng “ **Phản thư khanh Nho: Đốt sách và chôn Nho sĩ** “, vì tinh thần Nho sĩ chống độc tài, đời nhà Hán thì một mặt Hán Vũ Đế tôn Nho làm Quốc giáo, còn mặt khác lập ra Gác Thạch cừ, tuyển ra 50 nhà Bác sĩ để cạo sửa, thêm bớt và xuyên tạc Nho giáo, khiến Nho trở thành **Hán Nho bá đạo mang Bản chất Bạo lực để gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng.**


### **1.- Hán Nho tiếm Huyền Sử Việt Nho làm Lịch sử Trung Hoa**

Các nhà cầm quyền Tàu đã lần lượt đem các nhân vật Văn hoá thuộc **Huyền sử** của Nông nghiệp vào Lịch sử của họ để biến các nhân vật Văn hoá Nông nghiệp của chúng Việt thành Nhân vật Du mục thuộc Lịch sử của Tàu:

**Phục Hy** ( Thanh tinh: Rồng xanh ), **Nữ Oa** ( Chim Tinh vệ: Chim Tiên ) , **Thần Nông** ( khai sinh ra Nông nghiệp ) đều thuộc dòng máu Tiên Rồng và thuộc Văn hoá Nông nghiệp của Việt tộc được đem vào cổ Sử Tàu

Còn **Bàn Cổ** là nhân vật lâu đời nhất của người Dao thuộc chúng Việt cũng được đem vào Sử Tàu vào đời nhà Hán, nghĩa là nhân vật lâu đời nhất thì lại được đưa vào Sử sau nhất.

Còn Hoàng Đế thuộc hàng Ngũ Đế lại nâng lên Ngôi Tam Hoàng, đẩy Nữ Oa ra khỏi Tam hoàng biến Tam hoàng của Tàu thành Đục rựa: **Phục Hy, Hoàng Đế, Thần Nông.**

**Phục Hy** ( + ) , **Nữ oa** ( - ) , **Thần nông**( + ) của Việt thuộc **Quẻ Ly**  của phương Nam ( 2 nét Liền ( + ) ở trên và Dưới, còn nét Đứt ( - ) ở giữa, biến thành : **Phục Hy** ( + ) , **Hoàng Đế** ( + ) , **Thần Nông** ( + ) thành : **Quẻ Càn** với 3 nét liền thuộc Dương : đức rựa với Bao lực của Du mục: Quẻ càn: ☰.( vì hợp với Bản chất bạo lực của nhà cầm quyền Tàu )

Ngoài ra lại sửa chữ Hoàng ( 黃 ) trong Tam hoàng thuộc Văn hoá Nông nghiệp gồm chữ Điền ( 田 ) và chữ Cộng ( 共 ) < nghĩa là có ruộng > thành ra chữ Hoàng ( 皇 ) gồm chữ Bạch < 白: trắng > và chữ Vương ( 王:Vua của người Da trắng ), để biến Hoàng đế là

nhân vật Du mục da trắng của Tàu đổi thành vai nhân vật Nông nghiệp da vàng của Á Đông. ( Đây là sự tráo lộn Tổ Tiên )

Đó là những sự tiếm Huyền Sử thành Lịch sử được triết gia Kim Định khai ra.

**b.- Những vết tích của Nho Vương đạo ( Việt Nho ) mà Tàu cạo sửa chưa hết.**

Những vị đã kích Nho như trên đã không biết có nhiều thứ Nho, và có thứ Nho khác có tinh thần trái ngược với Hán Nho của Tàu thuộc chế độ độc tài chuyên chế (đã trưng dẫn ở trên).

Những câu : “ **Dân duy bang bản, Bản cô bang ninh** : Dân là Gốc của nước, Gốc Dân có được xây dựng cho bền vững thì Đất nước mới được an ninh,”

Và: “ **Dân vi quý, Xã tắc thứ chi, Quân vi khinh**: Dân là quý nhất, Quốc gia là bậc nhì, còn Vua thì bị coi nhẹ “ ( **Xã tắc**:Thuở xưa, dựng nước tất quý trọng Nhân dân, Dân cần có Đất (để Ở và Canh tác) để lập nên Xã để tế thần Hậu Thổ, Dân cần lúa Ăn nên lập nên Tắc để tế Thần Nông, nên Xã tắc cũng có nghĩa là Quốc gia: Đây là nhu cầu “ **Ở Ăn** “ cho người dân ).

Rồi tới: “ **Tru bạo quốc chi Quân, nhược tru độc phu**: Diệt một ông vua độc tài bạo người thì cũng tựa như diệt một tên phạm phu tục tử “.

**Đây cũng là nền tảng của tinh thần Dân chủ ngày nay, tinh thần này thuộc về Văn hoá Nông nghiệp của Tổ Tiên Việt, nền tảng của Văn hoá đặt trên Nguyên lý Mẹ: Trọng Tình hơn Lý ‘**

**Vậy Nho này của Khổng Tử hay của Việt Nho có quê mùa lạc hậu không ?**

( Xin nhớ các câu Nho này cũng có trong Hán Nho )

**2.- Nguồn gốc của Hán Nho bá đạo**

Hán Nho có nguồn gốc từ Nguyên Nho của Khổng Tử, sau đó được lưu truyền rằng Nho đã bị thất truyền, vì các nhà cầm quyền Tàu lần lượt đem tư tưởng bạo động từ Tây Bắc ( Trung Đông như Iran, Iraq. . . ) truyền qua Trung hoa theo lãnh tụ Du mục Hiên Viên Hoàng đế, các nhà cầm quyền sống theo nền Văn hoa Du mục xen dậm Văn hoá bạo động vào Nguyên Nho của Khổng Tử. Văn hoá bạo động đặt trên Nguyên lý Cha trọng Lý hơn Tình, trong Nam hơn Nữ, trọng Võ hơn Văn, giỏi Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng. Do đó mà tương truyền là Nho bị thất truyền vì Hán Nho đã làm cho Nho mất **Vi Ngôn Đại Nghĩa**, vì đã đánh mất Tinh chất Khoan Nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, nhất là tinh thần **Âm Dương hòa** hay Triết lý An vi có nền tảng từ Dịch lý **Âm / Dương hòa** .( *Philosophy of Harmony* )

Từ nguồn gốc Văn hóa Du mục bạo động đó mà có nền Văn hoá Hán Nho mang tính chất sau:

“ **Trọng Nam khinh nữ, nhất Nam viết hữu, thập Nữ viết vô, bất hiếu hữu Tam vô hậu vi đại, Phu xướng phụ tùy. Quân xử Thần tử, Thần bất tử, tắc bất Trung, Phụ xử Tử vong, Tử bất vong tắc bất hiếu, Quyền huynh thế phụ. . . . :**



Trọng Nam hơn Nữ, có một con Trai là đủ, còn có 10 con Gái cũng kể bằng không, trong ba điều Bất hiếu thì không có con Trai nối dõi Tông đường là lớn nhất, ( Ở bên Tàu mãi tới ngày nay hễ sinh con Gái là đem giết, ngày nay Trung Hoa đang thiếu đàn bà trầm trọng ), Chồng bảo gì Vợ cũng phải theo ( Ngày xưa ở Trung Hoa đàn bà được coi như tài sản của đàn ông, đàn bà phải bó chân, đàn ông có 5 thê 7 thiếp. )

Vua bảo Thần chết mà Thần không chịu chết là bất Trung, Cha bảo con chết, mà con không chết là con bất Hiếu, đó là ngu Trung và ngu Hiếu. Người anh có thể Thay Cha để hành xử với Em. . .

( Những tư tưởng trên do phái Pháp gia như Thượng Ưởng, Hàn Phi Tử. . . đem vào.)

Qua 1000 năm nô lệ và giao lưu Văn hoá, tuy có bị ảnh hưởng bạo động của Hán Nho, nhưng nhờ tinh thần Việt Nho trong nền Văn hoá Chắt gia của Việt Nho cản trở, nên ảnh hưởng xấu không trầm trọng như ở bên Tàu. Ca dao Việt Nam đã chẳng bảo:

**“ Trai mà chi, Gái mà chi, Sao cho ăn ở Nhân Nghĩa ( Nghĩa ) mới nên “ ( Ca dao )**

**Như vậy, Văn hoá Việt Nam không có dạy con Người trong Nam khinh nữ mà là Nam Nữ bình đẳng và không bạo động.**

Nguồn gốc bạo động của Hán Nho là từ Trung Đông ( Iran, Iraq . . . ) truyền qua từ thời Hiên Viên Hoàng đế, ( 2697 BC ) nói rộng hơn là do ảnh hưởng của chế độ Nô lệ, chế độ Đế quốc Thực dân và Chế độ Cộng sản từ Âu châu truyền qua sau này.

Tinh thần Tàu công ngày nay là hợp lưu của chế độ Phong kiến chuyên chế xưa của Tàu và của CS quốc tế ngày nay, nên vô cùng nham hiểm!

## **VI.- Việt Nho & Triết lý An vi**

Khi khai quật lên được Việt Nho, Triết gia Kim Định cho chúng ta biết nền Văn hoá Việt gồm có hai phần:

**Phần Văn học Nghệ thuật** được gọi là **Nghệ thuật vị Nghệ thuật** và

**Phần Triết lý Nhân sinh** gọi là **Nghệ thuật vị Nhân sinh**.

**Nghệ thuật vị Nhân sinh** là **Gốc**, **Nghệ thuật vị Nghệ thuật** là **Ngọn**.

**Khi Gốc / Ngọn lưỡng nhất thì trở thành nền Văn hoá Thái hòa Việt.**

Xưa nay khi làm Văn hóa chúng ta chỉ chú trọng về phần Ngọn là Văn học Nghệ thuật mà không lý tới Triết lý Nhân sinh là phần Gốc quan trọng nhất, nên mới bị sa đọa .

Lại nữa Việt Nam không những có nền Văn hoá của **Văn gia** ( **Phần Kinh Điển** ) mà còn có nền Văn hoá **Chắt gia** ( **Phần Ca dao, Tục ngữ: Văn hoá nơi cửa miệng** ), cả hai đều đồng quy hay Thống nhất nơi Thái cực hay Tình / Nghĩa, nên từ những người lâu thông Kinh Điển đến người vô học đều biết nương theo tinh thần Văn hoá để một lòng hợp quần với nhau được, cũng nhờ đó mà mọi âm mưu tiêu diệt Văn hoá của Tàu, bằng cách Tịch Thu sách để tiêu diệt Văn hoá không có hiệu quả.

### **I.- Công trình soạn thảo Kinh Điển**

Công trình soạn ra Kinh Điển có hai phần: **Phần Nội dung Kinh Điển** và **phần Hình thức** là **Văn tự** để chuyên chở Kinh Điển.

#### **1.- Văn tự**

**Khi sáng tạo ra Văn hoá thì việc cần là phải sáng tạo ra Văn tự để lưu trữ và chuyển tải Văn hoá hầu truyền bá cho nhau giúp cho cuộc sống hợp quần mà cùng nhau thăng tiến nếp sống ngày một cao đẹp hơn.( Văn dĩ tải Đạo: Đạo lý Nhân sinh )**

Chúng ta đã biết Nguyên Nho là do chủng Việt của người phương Nam sáng tạo ra rồi được Đức Khổng Tử thuật lại, dầu cho Đức Khổng có là người Tàu thì Văn hóa ngài thuật lại vẫn là Văn hoá của người phương Nam, trong đó có Việt Nam.

**Do đó chỉ có người phương Nam mới có khả năng hình thành ra Văn tự tức là Hình thức để lưu giữ và chuyển tải Nội dung Văn hóa, vì Nội dung nào thì phải có Hình thức thích hợp tương ứng ( Hữu ư Trung tất hình ư Ngoại: Con người làm sao thì bào hao làm vậy ).**

Còn người Du mục thuộc các nhà Chăm quyền Tàu trước đó chỉ giỏi việc chăn nuôi đàn súc vật, làm gì có thì giờ để Quy tư, Suy tư, nên không sáng tạo ra Nho thì làm sao mà có khả năng xây dựng nên Văn tự Nho để lột được cái Hồn của Nho?.

Do đó chúng ta quả quyết rằng Kinh điển Nho và Chữ Nho “ có là do “ những người nào góp công xây dựng đi nữa thì Kinh Điển và chữ Nho vẫn là của đại chủng Việt, trong đó chúng ta thấy Việt Nam là nơi được ký thác nhiều hơn hết, nhất là phần Cơ cấu tức là Bộ số Huyền niệm là Gốc của Việt Nho và Triết lý An vi, phần này Hán Nho của người Tàu không có ( xem cuốn **Dịch Tàu Dịch Việt, Văn hóa Việt, Văn hóa Tàu của Việt Nhân** trên vietnamvanhien.net.index ).

Vào thời Huyền Mâu Âu Cơ và Huyền Phụ Lạc Long Dân tộc chúng ta đã có Văn tự: Phía **Âu Cơ** có **Điều Tích tự** là chữ Dấu Chân Chim ( Tiên ), còn **Lạc Long** thì có chữ **Khoa đầu** ( Rồng ) tức là chữ con **Nòng Nọc** ( **Nòng : Âm / Nọc : Dương** ), theo T. G.

Kim Định thì chữ Kỳ ( 示 = ㄗ ) có liên hệ với chữ Khoa đầu mà người ta tìm thấy trong vách nhà của Khổng Tử . Chữ Kỳ có 2 nét Ngang ở trên và 3 nét Dọc ở dưới, mà 2-3, 5 ( 5 = 2+3 ) là Cơ cấu của Việt Nho mang Tinh thần Triết lý An Vi. ( 2/3, Ngang / Dọc đều là cặp đối cực của Dịch )

Mặt khác chữ Nho tức là chữ **Triện mang nặng tính chất tương Hình, tương Ý** . . . nên Cơ cấu và Nội dung của Nho đều là **Biểu tượng**, Biểu tượng là cách dùng **Hình tượng** để gợi ý vươn lên **Linh tượng**, từ **Cụ thể** tới **Trừu tượng**, từ **Lượng** vươn lên tới **Phẩm**, do đó mà có câu : **Khả dĩ Hội Ý** bằng Tình cảm, bằng Trực giác mà **bất khả Ngôn Truyền** nghĩa là không thể dùng Lý trí để giải nghĩa cho hết được ý nghĩa của Tình cảm, do đó mà **Nho là một Linh tự, linh Ngữ để un đúc Tình cảm là yếu tố nền tảng của một con Người, khi “ Vô Tình “ thì con Người đang còn ở trong tình trạng của một con vật . Đó cũng là một trong lý do mà Nhân dân Việt Nam khi xa rời chữ Nho thì Tình / Nghĩa Đồng bào lần lần bị phai nhạt bởi trăm Lý với ngàn Lẽ.**

Từ nguyên do trên mà chúng ta thấy **Cơ cấu và Nội dung Nho** được trình bày toàn bằng **Biểu tượng**.( Do Tượng Ý, tượng Hình ) Những biểu tượng đó gồm hai loại : **Đồ hình và Số độ**:

**Đ**

**ồ hình là Biểu tượng cho Cơ cấu**

*ô độ là Biểu tượng cho Nội dung.*

*ô hình và Số độ kết hợp theo “Hợp Nội / Ngoại chi đạo “ hay được Lưỡng nhất theo tinh thần Âm / Dương hòa.*

*Trong cuốn: Dịch Tàu, Dịch Việt, Văn hóa Việt, Văn hóa Tàu chúng tôi đã chứng minh tuy Trung Hoa có Hán Nho, người Trung Hoa có Dịch, nhưng Gốc Dịch của Tàu chỉ có Độc Dương ( Bất sinh ), Và Ngọn của Dịch là Đồ - Thư Lưỡng nhất là nền tảng Vợ Chồng, tạo nên Đại Đạo Âm Dương hòa thì Tàu cũng chẳng có Lạc Thư ( của Lạc Việt ), nên Tàu cũng chẳng có nền tảng Gia đình, nên Văn hoá Tàu mới mang tinh thần: **Trọng Nam khinh Nữ, Chồng Chúa Vợ Tôi**, trong khi đó thì Đồ - Thư- hợp nhất là Huyền thoại 100 trứng 100 con của Việt Nam. gốc của “ Bọc đồng bào “ giúp “ **Thuận Vợ thuận Chồng tát bể Đông cũng cạn** “ - khiến Gia đình trở thành nền tảng vững bền cho Xã hội.*

*Sở dĩ Nguyên Nho tức là Khổng giáo bị thất truyền, vì đức Khổng Tử mới thuật lại được Nội dung của Nho bằng những câu ngắn gọn quá súc tích, rất dễ bị xuyên tạc, lại nữa chưa tìm ra bộ số Cơ cấu: 2-3, 5 nên Khổng giáo mới bị các nhà cầm quyền Trung Hoa xuyên tạc.*

*T. G. Kim Định đã bảo:” Đức Khổng mới tìm ra “ **Bức khảm** “ ( Nội Dung Nho ) của Văn hoá mà chưa tìm ra “ **cái Khung** “ ( Cơ cấu Nho: Bộ Huyền số 2-3, 5 ) để bảo vệ cái Khảm Văn hoá.”, nên Nguyên Nho mới bị thất truyền, thất truyền vì thiếu phần Cơ cấu cũng như phần Tinh hoa “ **Vi Ngôn Đại Nghĩa** “ tức là phần **Tinh thần Thái hòa từ Gốc Âm / Dương hoà** .*

*Vây chữ Nho là chữ của đại chủng Việt, nay chúng còn thấy nơi Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan, Singapore và Việt Nam, . . . chữ không có chữ Hán nào của nhà Hán cả, thực tế là không có chữ Hán mà chỉ có chữ Nho mà thôi .*

*Từ những luận cứ trên, và dựa trên hai tiêu điểm Văn hoá Nông nghiệp và Du mục mà “ **Gạn đục Khơi trong Hán Nho** “ để trích ra Bản chất của Hán Nho và Việt Nho. Chúng ta nhận ra Hán Nho gồm hai phần:*

## **2.- Phần Nội dung**

*Phần Vương đạo thuộc nền Văn hoá Nông nghiệp của chủng Việt, tới thập niên 50, 60, 70, 80, 90 mới được T. G. Kim Định khai quật lên và hệ thống lại thành **Việt Nho và Triết lý An vi qua 46 tác phẩm**, nay còn lại 33 cuốn, dựa trên sáng kiến độc đáo của T.G. Kim Định, chúng tôi dùng các khám phá mới đó hệ thống lại trong 13 đề tài khác nhau được xin được gọi là **Bộ sách Văn hoá Thái hòa Việt tộc** ( của Việt Nhân và Nguyễn Quang, và có thể tìm đọc Tủ sách Kim Định trên vietnamvanhien.net.index ).*

*Phần Bá đạo thuộc nền Văn hoá Du mục của Trung Hoa gọi là Hán Nho, bản chất của Văn hoá đó là dùng Bạo lực gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng . Cứ đọc Lịch sử Việt Nam và Trung Hoa thì rõ như ban ngày .*

### 3.- Vai trò của chữ Nho

*Thực tế là không có chữ Hán nào cả, đó chỉ là ngụ danh để đánh tráo Văn hoá, thực ra chỉ có chữ Nho mà thôi.*

### 4.- Tính chất đa năng đa hiệu của chữ Nho

#### a.- Cấu tạo tượng ý

“ Ta cần biết chữ Nho có những đặc điểm nào mà trên thế giới này không đâu có cả ?  
Thưa là vì **chữ Tượng ý**.

Ví dụ: Chữ Nhân gồm bên trái chữ Nhân đứng ( người ), bên phải chữ nhị có hai nét ngang, nét trên chỉ Trời, nét dưới chỉ Đất. ( 仁 = 人 + 二 )

Ý đầu tiên là con người là một Nhân chủ được đứng ngang hàng cùng Trời Đất trong công việc sáng tạo ( thuyết Tam tài ), hai nửa chữ Nhân viết ở bên trái, đó là đặc tính chuộng bên trái của việt tộc ( tứ Di Tả nhậm ). Đó cũng là đặc điểm của Viêm Việt, thế mà nét đó là nền tảng, nên Việt Hoa đều có một đất đứng chung rất quan trọng. Chính chữ tượng ý đem lại cho văn minh Việt Hoa đức tính bền vững nhất trong nhân loại như sẽ bàn dưới. Có được chữ Tượng ý là nhờ tiếng đọc âm. **Điểm này giúp cho chữ Tượng ý đạt mọi cái hay của chữ là bất biến, khách quan, gọn và phổ biến.** Đó là những đức tính gắn liền với nhau, thiếu một là thiếu cả: Ví dụ, **Thiếu Bất biến thì rồi cũng thiếu Phổ -biến - tính, mà thiếu Phổ - biến - tính là một sự khiếm khuyết trầm trọng về Minh triết và Triết lý.**

Vậy mà các tiếng trên thế giới đều **Tượng thanh, mà thanh là yếu tố biến đổi rất nhiều cả trong thời gian ( cứ trong vòng ba bốn thế kỷ là biến đổi ) lẫn không gian** : cùng là tiếng Anh, mà Mỹ nói khác giọng Anh. Sự biến đổi âm kéo theo biến đổi chữ viết, càng ngày giọng đọc càng xa chữ viết nên càng trở thành vô ích.

Đang khi trẻ em Trung Hoa không mắt thì giờ hơn để nhận mặt chữ, bắt phải đặt nặng việc ám tả, mắt ba bốn năm mà viết chưa xuôi mà không được ơn ích khác như đọc các cổ thư. Và cứ thế ít thế kỷ phải đổi chữ viết để theo kịp đà biến đổi của âm thanh ( évolution phonétique ). Càng đổi nhiều càng thêm rắc rối rồi dễ lẫn lộn, nên càng phải thêm xác định bằng giống số, số của danh từ, ngôi vị của động từ . . . Những cái vô ích đó ông Margoulies kể ra như sau:

a.- **Rậm lời** hơn chữ Việt Hoa ba bốn lần, vì Việt Hoa không phải chú ý về cú pháp, nên chú tâm vào việc làm giàu từ, nên từ giàu gấp năm.

Thí dụ nói vác thì Pháp nói mang trên vai, còn gánh thì lại nói mang trên vai bằng một đoạn tre hai đầu có treo thúng.

b.- Cùng với **lối ấn loát gọn**, một quyển sách Tàu nhỏ hơn được 10 lần, nên một sách Tàu lớn thì bằng cả một tủ sách Tây.

c.- **Sự đọc của người trí thức** trung bình Tây phương ít hơn nhiều và nhất là xoay quanh toàn tác giả mới, bỏ mất quá nhiều những tác giả sâu xa hơn . **Điều trầm trọng hơn cả cho các tiếng kiểu Tây là nay không còn Văn tự ( langue écrite ) nên còn gì liên kết với xưa nữa, thành ra sự tan rã càng đi mạnh.** Ở Trung cổ có Văn tự La tinh tuy không tượng ý, nhưng còn là chữ trừu tượng giữ cho mắt, nay La tinh mất thì không còn lối giải quyết ( xem Margoulies p . 254 ), về vấn đề thế giới ngữ gặp quá nhiều khó khăn. Nhưng sự bất lợi không chỉ có thế, mà còn trầm trọng hơn nhiều, đó là dẫn đến sự thất bại của Triết học.

Theo ông Margoulies đó là do Ngôn ngữ Văn tự bị chi phối hay điều kiện hoá , nên mất hẳn Phổ - biến – tính. Thí dụ cũng là từ tôi ( I ) nhưng tiếng Mỹ phải mặc một hình thức nhất định, nếu là chủ từ thì I , nếu là túc từ thì Me, nếu là số nhiều thì We, Us . . . , chữ nào cũng bị đặc thù hoá, nghĩa là mất tính chất Bất dịch và Phổ biến.

Trái lại **chữ Nho vì là Tượng ý**, nên Tàu, Nhật, Việt đọc khác nhau mà hiểu như nhau y như đối với thế giới viết số 5 ai cũng hiểu, mặc dầu có trăm ngàn lối đọc . Vậy **tất cả chữ Nho là Tượng ý** cả, đang khi **Tây Âu chỉ có được 10 con số là tượng ý**, ngoại giả toàn là Tượng thanh nên đều bị điều kiện hoá, và thế là vô tình dẫn đến việc suy tưởng hỏng, bởi suy tư chân thực thì phải đạt được cái gì phổ biến. Đã có nhiều người nhận ra, đã cố công phát triển mạnh Toán học, vì Toán suy luận bằng những ký hiệu không bị tư riêng hóa, bao giờ 3 cũng là 3, nên sẽ giúp đạt Phổ - biến – tính, là cái không thể tìm được trong Ngôn ngữ, nhưng vì Toán học không liên hệ được với Cụ thể nên không giúp Triết đạt được mục tiêu . . . **Ngược lại vì chữ Nho Tượng ý không hề có thay đổi do cú pháp hay âm thanh, nên đã trở thành thứ Văn tự ( langue écrite ) với danh từ bất biến và Cú pháp cực đơn giản, vì căn cứ trên Ngũ vị và một số nhỏ Hự để xác định Cú pháp : tất cả đều bất biến nên cũng chớ theo những nguyên lý phổ biến thực sự như Âm Dương, Tam tài, Ngũ hành . . .** Chúng ta cần đào sâu thêm để tìm hiểu tại sao chữ Tượng ý lại có khả năng như vậy ? Trong khi tìm chúng ta sẽ nhận thấy có hai tầng ý mà phải đặt tầng **Ý sâu** mới bền vững, còn **ý tầng ngoài** như Toán học cũng như dùng Ký hiệu Tượng ý, nhưng chỉ gây nên được sự đồng nhất Toán học thuộc lý trí không đủ sức gây nên thống nhất tâm tình. Vì con người phức tạp, cần phải có ý sâu đầy tính chất phổ biến. **Thế mà để nói cụ thể thì Phổ- biến –tính chính là hợp hết với mọi người trong mọi không thời gian.**

Để được như vậy phải là một thứ ý **căn cứ trên “ con Người toàn diện ”**. Điều đó có nhiều nhất nơi Việt Nho, nền triết xây trên Nhân chủ tính nên phụng sự con Người, hết mọi Người. Vì nó đã tạo được những thành tích mà không một nền Văn hoá nào làm nổi, tức về Văn hoá thì Thống nhất chữ Viết, về đảng xã hội thì là Kinh tế Bình sản, Khai trí bình đẳng . . .

**Ngoài ra còn nhiều cái lợi khác**, trước hết là **nó liên hệ với Hoạ**, nên viết cũng là vẽ, nhưng vì vẽ ý, nên lại liên hệ với thuyết giảng, tuy không đánh mạnh vào tai, nhưng lại dai dẳng thuyết phục bằng nằm dài lại đó trên tường, trên cột, trên bình sứ . . .

Cũng như **liên hệ với Nhạc**, vì là chữ đa thanh, nên bài thơ viết trên tranh cũng chơi vai trò như bản nhạc, một thứ tĩnh nhạc.

**Chính vì tính chất đa năng trên**, nên chữ Nho toả ra một sức chinh phục huyền bí như có ma lực, ví nó tham dự vào cả Hội hoạ, cả Biện thuyết cả Âm nhạc và nhất là Triết lý, nên rất xứng là **Linh tự, Linh ngữ**, với nghĩa chữ linh là phổ biến, là tác động với toàn thể các cơ năng. Điều này còn được biểu lộ ngay trong lối viết đặc biệt của chữ Nho bao gồm cả ngang dọc, tả hữu. Trong nhân loại chỉ có lối viết hàng ngang hầu hết từ Tả qua Hữu, hoặc tự hữu qua tả như Séurite. Riêng có Nho thì kiêm cả hai: từng chữ thì từ Tả qua Hữu, từng dòng thì từ Hữu qua Tả. Nếu nói Việt tộc có phần đóng góp nào vào đây thì rõ rệt là lối: “ Tả nhậm ” này.

Người Tàu cũng quý trọng bên Chiêu ( Tả ) lắm, nhưng là thâm hoá về sau kiểu mái nhà cong, chứ còn ban đầu đời Thương, Chu, Tần đều thờ bên Mục ( Hữu ). Nhưng dầu vấn đề nguồn gốc có sao đi nữa, thì Tả nhậm vẫn được kể là nét đặc thù của Viêm Việt. Và nếu viết tự Hữu sang Tả nếu không là con dấu của Lạc Việt thì ít nhất cũng là con dấu của của Liên bang Việt Nho. Vì thế, nói Nho là của riêng Tàu đúng có ngoài mặt, còn sai bè trong, mà cái trong lại mạnh kiểu ngấm ngấm, nên gây ảnh hưởng vào lối viết từng chữ không còn hẳn là hàng Ngang và từ Tả qua Hữu, nhưng toàn diện ( en surface ) theo lối nhận xét của ông Margoulies. Và như thế nói lên rõ rệt phần đóng góp của Viêm Việt vào sự thành lập chữ Nho.” ( *Nguồn gốc văn hoá Việt Nam : Kim Định* )

#### **b.- Khả năng Diễn tả và tính chất Hải hước**

( *Cảm nghĩ về chữ Nho của Bá tước Keyserling* )

“ **Chữ Tượng ý đẹp tạo cho người học óc thẩm mỹ**, dù người đó không để ý đến, vì người viết chữ xấu bị xem như ít học. Thứ đến cần phân biệt những nét chấm nét phẩy nhỏ thì luyện cho mắt cái nhìn được sâu sắc. Hậu quả của lối chữ Tượng ý này là luyện tập cho người Tàu có được cảm quan về hình thái cực kỳ phát triển, khiến họ không thể sản xuất cái gì xấu. Tôi còn thán phục trình độ trí thức của họ. Vì với chữ Nho người ta chỉ nói bằng Biểu tượng, nên không thể đọc mà không suy nghĩ, nhờ đó họ có tài điều hợp.

**Thứ đến là chữ Tượng ý nói lên được nhiều tư tưởng hơn hẳn chữ Tượng thanh. Chỉ có những người không hề nghĩ ra được một tư tưởng thâm sâu mới cả gan cho rằng có thể nói ra hết những điều mình nghĩ.**

Vì đó là một phép lạ không một ngôn ngữ nào có thể làm được hết, bởi mỗi ngôn ngữ hơn thế nữa mỗi thời đại đều có những giới hạn của mình mà không một thiên tài nào vượt qua nổi, cũng không mong gì sáng tạo được một ngôn ngữ có khả năng đó, vì hướng tiến hoá là đi tới minh – nhiên – hoá tức là đi đến sự nghèo – nàn – hoá ngôn ngữ.

Tiếng Pháp không thể nói lên được nhiều bằng tiếng Đức, tiếng Anh hiện nay nói lên được ít hơn tiếng Anh thời đại Elisabeth. Đây là mới xét về những cái có thể giải nghĩa, hướng hồ những cái vượt mọi khả năng bày tỏ nhưng lại rất thật, như những thực thể thuộc Siêu hình, Tôn giáo. Những cái đó không thể bày tỏ trong ngôn ngữ ta, nhưng có thể với chữ Nho: chỉ cần đặt biểu tượng này bên biểu tượng kia là chúng bao trùm và định tính được cái vô biên, y như một góc mở định tính được không gian vô tế vậy.

Người có học xem những chữ ấy biết được ngay người ta định nói gì, mà nếu chưa biết trước, thì sẽ được học biết nhiều hơn so với sự giải nghĩa dài dòng. **Thí dụ Toàn thể Nho giáo có thể biểu thị trong 3 chữ:**

**Chí Trung Hoà.**

**Chí biểu thị sự Tập trung**

**Trung biểu thị Trung điểm ( nội ).**

**Hoà nói lên sự hoà hợp với bên ngoài ( ngoại )**

**Chỉ ba chữ đó không những nói lên hết những gì đã viết trong Tứ Thư, mà còn cả những điều hàm ngụ trong đó, mà chính ngay Không Tử cũng không biết.**

À ! Nếu mà tôi viết được chữ Nho, tôi sẽ vui lòng hy sinh mọi lối phát biểu khác . Vì khi mọi lời nói đã vắng lặng rồi thì những tâm hồn tĩnh mịch vẫn nhìn được chân lý trước mắt qua chữ Nho. Đành rằng đó không phải là lối phát biểu khách quan, mà chỉ là gợi ý, nên người đọc phải có cảm tình y như đối với lối nói bóng gió, vì thế có những bất tiện trong nhiều trường hợp cần xác định chẳng hạn về áp phe, về khoa học hay cả Triết học nữa.

Về phương diện này những thi sĩ hay văn hào muốn nói kiểu gợi ý thua xa những tác giả ưa nói kiểu minh nhiên: chẳng hạn như Mallarmé kém Beaudelaire. Thế nhưng đem lời trách móc bóng gió kiểu đàn bà và Mallarmé mà gán cho chữ Nho là làm, vì nó là phương tiện biểu lộ khác hẳn với ngôn ngữ và văn tự của ta nên so với những công thức toán thì hơn, và phải là người ngây thơ lắm mới dám chê Toán không thể định nghĩa được thực thể mà nó chỉ nói lên luật tắc, vì thực ra nó bao hàm nhiều hơn cũng như xác thực hơn bất cứ ngôn ngữ nào. Vậy mà đó cũng là tính chất của chữ Nho, nên về phương diện chữ Nho không kém mà còn hơn hẳn chữ Tây, chính vì nó giống Toán học ở khả năng biểu lộ trực tiếp những liên hệ mà không một ngôn ngữ nào đạt nổi. Vì thế **mà mọi tư tưởng của**

Hiền triết đều có vẻ nghịch lý. Cái đó là điều dĩ nhiên, vì bất cứ chân lý nào cũng bắt buộc phải mang vẻ nghịch lý đối với người không biết, nhất là những chân lý sâu xa thì chỉ nổi bật lên được khi đặt bên cạnh một nghịch điểm. Nhưng tính chất nghịch lý trong Nho giáo đặc biệt ở chỗ mang sắc thái Hí hước; tôi chưa thấy châm ngôn nào của Nho mà không làm tôi cười thoả thích khi trong mình mạnh khỏe, nếu phải tìm ra nguyên uỷ của sự việc thì vì tôi đã tìm thấy trong những châm ngôn đó hương vị của cuộc sống mạnh mẽ hoà hợp với vũ trụ. Hí hước là một cái gì rất sâu xa. Và chỉ có những người có thiện tâm thanh thản, có khả năng cảm nghiệm sâu xa đến độ có thể biểu lộ ra một sự đối nghịch, mới có được hí hước. **L'humour est chose profonde: a de l'humour celui qui sait exprimer un contraste profondément senti du point de vue d'un esprit bienveillant et serein . ( 1 )**

( 1 ) : Câu này vì tác giả nói một cách ngoắt ngoáy nên có phần khó hiểu, và nay căn tính của Hí hước cũng còn có nhiều người chưa biết, như đã được chứng tỏ trong việc phiên âm chữ l'humour của Anh thành u mặc. Tiếng Pháp thì mượn luôn cả mà không dám dịch, vì không tìm ra từ nào ám hợp mà nói lên tính chất của hí hước .

Có Hí hước khi nào nhìn thấy sự trái ngược trong một sự vụ nhưng lại đủ lòng khoan hoà để chấp nhận sự vụ, mà còn biểu lộ được sự trái ngược cách khoan hoà, nghĩa là không làm thiệt đến ai “ **Thiện hí hước hề. Bất vi ngược hề .** ” là vậy. Nói không để châm chọc ai như kiểu châm biếm, mà chỉ để chơi ( hí ) và cười đùa ( hước ). Vậy cũng có thể dịch là hài hước. Như vậy ta thấy **muốn hí hước phải cần đến hai đức tính là lòng khoan hoà và sự hiểu sâu.** Có thể nói cả hai là một, vì khi hiểu thực sâu thì nhận ra chỗ hội thông của những câu trái ngược, nên chấp nhận cách an nhiên. **Bá tước Keyserling nhận xét rằng Nho giáo sản xuất ra nhiều tay hí hước hơn hết các nền văn hoá , mà cao viễn đến độ có thể hí hước cách lạnh lùng kiểu như Bồ Tùng Linh ( Journal C.P. 59 ) .**

Tôi cho rằng nhận xét của Keyserling rất đúng và thêm rằng sở dĩ được như vậy là vì Nho giáo đã tạo đủ điều kiện thuận lợi: trước hết **đối nghịch thì không đâu phổ quát bằng Âm Dương, còn về sâu xa để có thể cùng chấp nhận thì cũng không thể hơn nguyên lý “Âm trung hữu Dương căn ”**, tài năng cá nhân thì đâu cũng có, nhưng tạo điều kiện thuận lợi cho hí hước nảy nở trọn vẹn thì quả không đâu bằng Nho vậy . . . .

( *Kim Định: Tinh hoa ngữ điển* )

## **VII.- Nho giáo gắn liền với đời sống Dân tộc Việt**

( *Lối chân minh triết: Tinh hoa ngữ điển. Kim Định* )

Bà mẹ Việt Nam quả là hình bóng của nền Minh triết Lạc Việt; người không đi trên những đại lộ huy hoàng xán lạn, nhưng âm thầm lặng lẽ hoặc bước trên những lối mòn, những ngõ ngách quê hương tầm thường, xem ra chẳng mấy quan trọng. Cũng như thế nền Minh triết Việt Nho luôn đặt trên các nẻo đường mòn của Dân tộc, thoát



xem tướng không có gì sâu sắc, có cũng được mà không cũng chẳng sao. Vì thế từ lúc tiếp xúc với nền Văn minh xán lạn Thái Tây, nhiều người Á Đông đã giả từ những nẻo đường xưa cũ để tiến bước theo lối ngoại nhân. Nhưng rồi từ đó hết theo bên này lại ngã sang bên kia với muôn vàn đồ võ, khiến phải dần dần hồi tâm mà nhìn lại . . .

Để rồi mới nhận ra những cái Tâm thường bấy lâu không hẳn chỉ có thể, mà còn tiềm tàng một cái gì Phi thường. Và lại nhận ra không nơi đâu có được cái lối bình thường của chúng ta, theo lời nhận xét của Bá tước Keyserling thì không một nơi nào trên thế giới lại có sự lạ lùng này: nền Minh triết ý thức lại lấy ngay đời sống bình thường của dân gian làm mẫu mực. Không nơi nào lối sống thông thường theo Bản năng lại trở thành tiêu biểu hoà hợp cho một nền tư tưởng phong phú. Và cũng không nơi nào đời sống lại được tổ chức theo Đạo lý cao và sâu hơn, đến nỗi ánh Đạo soi thấu những hiện tượng mà bình thường ta không thấy có liên hệ chi cả ( Journal II .87 ).

Tại sao lại có việc kỳ lạ đó ? Để trả lời chúng ta thử xét xem ít nhiều sự kiện:

### 1.- Sự Thờ cúng Tổ tiên

Đây là một Cổ tục của dân gian nên đâu đâu cũng có, kể cả các xã hội La Hi. Tục đó thường mang ý nghĩa Bái vật: cúng giỗ Ông Bà để con cháu được giúp đỡ, làm ăn phát đạt . . .

Một niềm tin như thế bao hàm nhiều điều kiện: như tin sau khi chết Linh hồn con người vẫn tồn tại, và có khả năng bảo vệ hay sửa phạt Con Cháu . . . Đó chỉ là những niềm tin thiếu tính chất khách quan, vì thế đã bị trí thức khước từ.

Trái lại Việt Nho lại dựa vào đó để biến thành Lễ Gia Tiên, với nhiều ý nghĩa như Luân lý tỏ lòng Hiếu thảo với Cha Mẹ, hoặc với ý nghĩa Tâm linh, trở lại hội thông với mọi Tổ, tức với Bản tính đồng nhiên của con Người. ( Xem Căn Bản, chương II )

### 2.- Lễ Hội mùa Xuân

Trong Lễ hội này Trai Gái họp nhau chia ra hai phe Nam Nữ cùng nhau hát Đố, rồi những cặp nào thuận nhau thì Hợp thân ngay trong rừng hoặc trên mặt ruộng, nên cũng gọi là “ Dã hợp ”, người Hán gọi là Bôn, thường thêm tiếng Dâm vào thanh Dâm Bôn, để tỏ ý chê trách . . . Nhưng trong tâm trạng của dân gian thì Dã Hợp chính là lễ cầu cho được Mùa màng, mà năm nào bỏ thì thất mùa. Đó là niềm tin thuộc Tôn giáo Phong nhiêu của khối dân Viêm Việt, nó phản phát tính chất Bái vật Vu nghiễn nên rất dễ bị trí thức coi khinh. Thế nhưng Việt Nho lại biến việc đó thành tác phong giúp Trời Đất trong việc nuôi dưỡng dân: “ Tán thiên địa chi hoá dục ”. Và cũng từ những mầm mống song đôi: như hai bè Nam Nữ, trước Sông và Núi, giữa Đất Trời . . . , mà thiết lập nên Triết lý có Lương nghi

**tính cực kỳ phong phú, với vô số cặp đôi đủ mọi phương diện:**

**Siêu hình như: Âm / Dương.**

**ôn giáo như: tế Trời / tế Đất ( Nam giao ).**

**T**

**hình trị như: Vua / Tôi, Cha / Con Làng / Nước ( Xuân tế Đê / Thu tế Thường )**

**C**

**uân lý như: Nhân / Nghĩa, Cương / Nhu, Tình / Lý . . .**

**L**

Tóm lại, trên nền tảng hát Đối của thôn dân, Việt Nho đã kiến tạo nên nét Lương nhất tính phổ quát, mà chúng ta không thể nào gặp được ở nơi khác. Vì vậy, ngày nay Triết học các nơi chỉ có một chiều, thì ở đây lại Lương hành với ba chiều kích.

### **3.- Sau Âm Dương thì đến Tam Tài**

Ban đầu cũng chỉ là một niềm tin của dân Viêm Việt, nói lên niềm tin con Người đồng nhất thể với Thiên Địa. Đó là niềm tin có tính cách Đồng cốt đi với cái nôi Ba biên, với những lời lên đồng kiêu :“ **Phụ đồng phụ chổi, thổi lỏi mà lên, ba bề bốn bên, sôi lên cho chóng** ” Thế nhưng đã được văn gia tiếp và rút ra từ đó **thuyết Nhân chủ: con người là một Vua trong Tam Tài: nếu Thiên là hoàng, Địa là hoàng thì Nhân cũng là hoàng.**

**Rời từ Nhân chủ đi tới nền Dân chủ cách cụ thể, được biểu lộ bằng “ phản Điền “, cũng như được hưởng mọi “ Tự do “ trong biên cương của đời sống Công thể: nói vắn tắt là “ được Ăn được Nói “, tức là hai thứ quyền mà dân gian thuộc các nền Văn hoá khác xưa kia không được hưởng.**

### **4.- Ngũ hành**

**Ngũ hành** cũng là một niềm tin có tính chất tai dị, đã đẻ ra những thuyết Âm Dương, Ngũ hành, Phong thủy . . . , nhưng rồi cũng được Văn gia dựa vào đó để tạo thành **thuyết tiến hoá “ Nhân giả Ngũ hành chi doan dã ”**, đem lại cho Triết lý nét động đích rất đặc trưng không nơi nào cá cả, vì theo đó con Người phải đóng góp phần quan trọng vào mọi việc để đẩy đến chỗ chí cực, nên gọi là “ **Ngũ hoàng cực** ”. Ngũ chỉ cái gì toàn thể, tức là muôn việc đều quy vào một mối làm nên một mối cơ thể, cũng gọi là “ **Thiên Địa chi Tâm** ”. Còn Hoàng là Vua, tức không lệ thuộc bên ngoài nữa nhưng tìm tiêu chuẩn hay sự trọn

hảo ngay nơi **Lòng mình**, khi được như vậy thì gọi là đến “ **chỗ chí cực** ” . Nên có thể nói “ **Người không làm nữa, mà là tế tự** ”, ( il ne s’agit pas, il officie ) . Cũng là Ngũ hành, Âm Dương nhưng nếu ở đợt Bái vật thì con người sẽ làm một số điều bộ cử chỉ Tôn giáo như khăn vái lâm râm, hương nhang nghi ngút, trái lại nơi **người đạt Tâm thì là làm mọi việc tới chỗ Chí cực** “ **Quân tử vô sở bất dụng kỳ cực** ” tức phải đưa vào việc cả Tình, Ý, Chí. Việc nào cũng làm đến chỗ chí cực, thế gọi là “ **Ngũ hoàng cực** ”, tức dùng tìm cao cả bên ngoài con người, nhưng ngay trong con Người, ngay trong những việc bổn phận hàng ngày. Đó là đường đi tự Ngũ hành đến Ngũ hoàng cực.

## 5.- Lễ

Ai cũng biết Lễ là nét đặc trưng trùm lên Nho giáo. Vì Lễ bao gồm cả Chính trị, Kinh tế, cả Vũ trụ quan, Nhân sinh quan . . . Thế mà xét tới nguyên uỷ thì chỉ là Tục lệ của dân gian, nên Lễ chỉ là Lệ được thăng hoa. Mà **Lễ quan trọng nhất của dân gian là chia cho đều mọi cái mà trong đó Tài sản là nền tảng**. Vậy Lễ cũng chính là biết **Quân phân tài sản, quân phân Tự do, Kinh nể . . . nhưng làm cách trang trọng để văn sức những mối Giao liên của con Người**. Lâu ngày người ta quên Nội dung ban đầu của nó, để rồi phát triển quá mức phân nghi thức có lợi cho nhà Vua, cho người trên, đâm ra lưu trữ sính lễ, tức là cái bệnh rút ruột trát ra ngoài.

## 6.- Thiên siêu ngời

Đây là một chuyển hoá khác, tế vi hơn, nên khó nhận ra, đó là **Thượng đế Nhân hình lên đến Thiên Siêu ngời**, để cuối cùng chỉ còn là **Lý phổ biến, cũng gọi là Thiên lý: “ Thiên lý tại nhân tâm ”**. Ngoài ra còn có một số chuyển hoá khác nữa, nhưng ít quan trọng hơn. Trở lên là một số chứng tích nói lên sự liên tục từ thôn dân, cũng gọi là Chết gia, hay nói chung là từ **Bái vật đi lên Tâm linh, là lối đi vừa tiến bộ mà đồng thời vẫn hợp với “ Trời ”**, tức vẫn bảo trì được nền **Thống nhất giữa dân gian và kẻ sĩ**.

Hai đàng chỉ khác nhau về bình diện Tâm thức, nhưng vấn đề thì vẫn là một, và đó là **đường đi của Việt Nho: không đi trên những Đại lộ huy hoàng mà trong những ngõ Đường mòn**.

Bây giờ ta thử rút ra vài nhận xét, mà điều trước tiên là: Thoạt mới nhìn người ta tưởng là chẳng có chi cao cả, mà chỉ là những gì sà sà mặt đất. Phải nói ngay rằng nhận xét đó đúng, nhưng đây mới chỉ là phần của Chết gia, có thể bao gồm cả Bái vật, cả những kinh nghiệm thông thường gọi là Thường nghiệm, và đó là chỗ sách Trung Dung nói: “ **Quân tử chi đạo phú nhi ần; phu phụ chi ngu khả dĩ tri yên** ” Nhưng không chỉ có thế, mà còn có Hình nhi thượng của Văn gia, và lúc đó thì dù thánh nhân cũng không thể biết hết . Thí dụ: Lễ hội Trống quân thì với Dân gian chỉ là việc “ **Vợ Chồng**”, nhưng với Văn gia lại là “ **Thiên Địa Nam giao** ”. Cả hai cùng một đường đi, nên nói: “ **Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ Phu Phụ** ”, cực kỳ chí giả, sát hồ thiên địa ”. Chính vì thế mà nét đặc trưng của Nho là: **Có mà như không** . Thoạt trông như không có Triết, nhưng nhìn

kỹ thì lại thấy không những có Triết, mà còn là nền Triết sâu rộng nhất, ích lợi nhất trên đời, đến nỗi trở thành nền Minh triết .

## VII. - Chữ Nho với Chương trình Giáo dục

Về nước ta, thì không gặp khó khăn với hai Từ Ngữ trên đây, nên không gì ngăn cản chúng ta **đưa chữ Nho vào chương trình để thoả mãn nhu yếu Thiên**: tức là lòng ưa gì **thâm sâu phổ biến, tức cũng là những đức tính Minh triết**, và về điểm này không một ai dám tranh thủ với chữ Nho, ngay như ông Whitehead dù không biết đến chữ Nho cũng phải kể đến chữ Nho trước hết trong bảng các tiếng chỉ Thiên, sau đó mới đến Greek, French, German. . . ( Aim of education , page 68 ). Sở dĩ như vậy vì **chữ Nho là thứ chữ tổng hợp hơn hết trên thế giới này nhờ lối viết tượng Hình của nó, nên vượt xa các chữ Nôm của cổ Egypt, vì cũng còn có chữ Nho là duy nhất xứng danh là Linh Tự.**

**Bởi thế, với tam giác chữ: Nho, Việt, Anh ( hay Pháp ) nền Quốc học của chúng ta sẽ đứng vào hạng nhất trên thế giới để khỏi nói nhất trong việc đáp ứng ba nhu yếu thâm sâu của con người. Chính vì thế ta mới hiểu được sức lôi cuốn kỳ lạ của chữ Nho trên cả những học giả Tây phương. Hễ ai đã học chữ Nho sâu đều công nhận sức thôi miên ma thuật của nó. Nếu có chữ nào trên thế giới so sánh được với chữ Nho phần nào chẳng thì chỉ là chữ Tàu, nhưng Thông Tự của sự học lại khó quá và khả năng diễn tả những phân tích xác thiết lại kém Quốc ngữ của ta. Vì thế mà phải đưa:**

**Nho làm gốc cho Thiên trong Tam giác ngữ của nền Quốc học ta, chỉ phiền là khó nhớ, nhưng nếu được học từ nhỏ, thì không thành vấn đề. Khó nhớ là đối với người lớn khi đã hết giai đoạn trí nhớ mà thôi.**

Còn Anh Văn thì cho Địa

và Việt ngữ cho Nhân.

## VIII.- Kinh Điển Chữ Nho

“ Bấy giờ mà còn nói đến việc học chữ Nho, có nhiều người cho là chuyện điên rồ, vì lối học tầm chương trích cú cùng với việc chú sớ của Hán Nho đã làm cho nhiều người nhất là Tân học có ý nghĩ Nho giáo được gắn liền với quê mùa và lạc hậu. Thứ đến ta nói đến đây là Nho giáo hay Nguyên Nho, khác với **Hán Nho thứ mà đã làm cho nước ta bị chia lìa với gốc Tổ.**

“ Nho giáo vốn gắn liền với Văn hoá nước nhà, cho nên bỏ Nho là toàn bộ lâu đài Văn hoá Việt Nam sẽ sụp đổ. Lúc đó có vun tưới Việt văn đến đâu cũng chỉ là trò chơi vụn. Thế nên không thể không nói tới mối liên hệ giữa Nho và Việt. Hãy khởi đầu ngay ở Từ ngữ.

**Chỉ cần phân tích sơ qua đã thấy được liên điều đó. Hầu như không mấy câu nói mà không có chữ Nho nằm trong, cho nên ngay ở Văn chương, nếu không có Nho thì đã thiếu đi một phần rất quan trọng rồi. Đó là phần Ngữ căn, tức là phần sâu sắc nhất, nền tảng hơn hết.**

Ta có thể thấy điều đó trong việc đặt Danh hiệu, là phần tối hệ trọng, mà phần lớn là chữ Nho. Nội việc đó đã chứng tỏ mối liên hệ mật thiết giữa chữ Nho và Nước ta. Lý do thâm sâu là vì **mối liên hệ đó nằm mãi ở phần Đạo lý, thì phải đào sâu tới đọt Cơ cấu uyên nguyên, lúc ấy sẽ thấy Nho giáo với Ta là một, từ tên các Địa danh, tới Vật tổ, Vật biểu không đâu thoát ra ngoài cơ cấu Âm Dương, Tam Tài, Ngũ Hành . . .**

T

ên nước là **Xích Quỷ, Văn Lang, Giao Chỉ**, toàn là đi đôi.

V

ật Tổ là **Tiên Rồng** cũng lại lưỡng nghi.

V

**ật biểu** là Điều / Long, Sông / Núi,

**Địa danh** là Thăng Long, Hoành Sơn, Hà nội, Hà Nam, Cửu Long . . . đều biểu lộ **Cơ cấu lưỡng diễn của Nho giáo** .

Đến nỗi có một số người cố tình chối bỏ Nho, rồi dùng vài ba yếu tố khác dựng nên một “ chủ thuyết Việt Nam ” thì chắc chắn là nông cạn, mà cũng không sao thoát khỏi được Cơ cấu của Việt Nho.

Sở dĩ có chuyện mĩa mai như vậy là vì **ngay từ ngày lập quốc Tổ Tiên ta đã nhận Nho giáo làm Văn hoá của giống nòi.**

Tôi ( triết gia Kim Định ) rất **ghét hai chữ Khổng Mạnh dùng thay cho đạo Nho**, ghét thế là gieo hoả mù vào nguồn gốc Nho giáo, có hại cho Văn hoá nước nhà. Ngay việc **Khổng Tử sáng lập ra Nho giáo cũng đã là điều sai lầm rồi, vì không một yếu tố văn bản nào nơi Không Tử không tìm thấy nơi những người trước ( Creel 346 ) .**

**Muốn nói thật chính xác, thì mấy hằng số của Nho giáo đều phát xuất từ Viêm Việt, chỉ xin kể hai thí dụ: một là Lễ Gia Tiên, hai là Lưỡng Nhất tính.**

**Lễ Gia Tiên** là đọt phát triển cao độ nhất của nền **Nhân chủ tính** ( do đó có Tự do, Bình đẳng . . . ) thì phát xuất do **tục Thờ cúng Tổ tiên**. Thế mà tục này đích thị của Viêm Việt.

Còn **Lưỡng nhất tính** trong Văn hoá là nét quý nhất hiện nay ( vì cần thiết cho nền Văn hoá nhân loại ) thì phát xuất từ **Trống Quân**. Mà Trống Quân cũng là của Viêm Việt, cùng lắm là có chung với Tàu. Vì ta thấy các bà mẹ nhà Thương, nhà Chu đều sinh con theo lối “ đã hợp ” của Viêm Việt cả . Bà Hoa Lư cũng như bà Thái Khương có mang,

nhân khi đạp vào vết chân người to lớn, bà Giản Địch, Tổ nhà Thương thì nhằm lúc nuốt trứng chim . . . Vậy thì, một là tục kia có bên Tàu ngay từ đầu, nếu thế là của chung, hai nữa là các bà đó đi theo chiều hướng Viêm Việt, thì đã chịu ảnh hưởng Văn hoá phương Nam.

Lời giải nghĩa này có lý hơn, vì về sau Hán tộc chống đối lối đã hợp . Ngược lại Viêm Việt thì cố duy trì, cho mãi đến nay nhiều nhóm còn giữ.

Còn Hán tộc tuy chống đối ở góc rẽ của chất gia, nhưng phần tinh hoa của Văn gia thì vẫn bảo trì như Âm Dương, Tam Tài, Ngũ Hành . . . đều phát xuất từ Lễ Hội Mùa Xuân.

Nẻo nào thì ta cũng thấy Nho giáo với Văn hoá Việt Nam cùng có chung những nền móng căn để mà tôi gọi là Hằng số, là Tổ Nguyên. Khác chăng là ở Nho giáo thì những hằng số đã được thăng hoa, được tế vi hoá và được tổ hợp thành hệ thống khác. Vì thế khi đã nghiên cứu đến tận nguồn ngọn thì sẽ nhận ra Nho giáo là báu vật trên hết của tiền nhân giới lại, muốn làm người Việt Nam trung thực, cách sâu xa, thì không thể bỏ Nho.

Hơn thế nữa, trong hiện tình Văn hoá nhân loại, chưa có một nền Văn hoá nào đạt được một Cơ cấu vừa sâu xa vừa đầy đủ tính uyển chuyển linh động cho bằng đến nỗi tới nay vẫn đủ khả năng đáp ứng được những nhu cầu thời đại . ”

( Kim Định: Tinh hoa ngữ điển : Vấn đề học Nho )

Như vậy học chữ Nho là để nối lại với Nguồn gốc, với Mạch sống của Cha Ông, lại nữa chữ Nho ( Nguyên Nho hay Việt Nho ) cũng có phần đóng góp không nhỏ của Tổ tiên Việt. Quan trọng hơn nữa, chữ Nho là một Linh tự, Linh ngữ, giúp ta đi vào cõi Tâm linh, là miền mà nay cả nhân loại đang còn tìm cách đi vào để cho đời sống được quân bình.

Học Nho cũng có năm bẫy đường . Nếu học Nho theo kiểu “ Tầm chương trích cú “ thì sẽ không nhìn ra được Cơ cấu, tức là phần Tinh hoa nhất, vì đã để cho những chú só bác học trùm lấp mất cái Nền tảng. Hoặc học Nho mà đọc các sách cổ điển như những sách ngày nay, nghĩa là chạy ruồi thì sẽ không thấy gì, vì các sách này đã đi vào giai đoạn minh giải rất rộng rất dài, đọc không cần suy, nên đọc nhiều mà hoá ít, và đọc xong là hết ngay không có hậu.

Ngược lại kinh điển Nho giáo lại quan trọng nhất ở phần hậu, phần tác động chậm, thấm lặn vào Tiềm thức. Chứ như phần trình bày, lại rất đơn giản đến độ mộc mạc. Tuy nhiên không mấy ai ( nhất là trong thời đại hiện nay ) nhận ra được đó là thứ mộc mạc của Uyên nguyên, phác thực, nên rất dễ gây ảnh hưởng sâu đậm, vì bao giờ cũng giàu chất sáng tạo. Và đó là lý do tại sao Kinh điển có một uy tín lâu dài được

rất nhiều người tin theo như Kinh Thánh, nên nó vươn lên vòm trời Văn hoá, oai nghi như mặt trời, lấn át mọi tia sáng của các vì sao khác.

Vì thế mỗi câu của nó có sức nặng ngàn cân, vượt xa bất cứ quyển sách nào đời nay, đâu có hay đến đâu cũng chỉ được chú ý một thời, giữa bao nhiêu sách khác. Ngược lại Kinh điển đã trải qua hơn hai ngàn năm được tôn thờ và từng phục cách tôn kính, nên đã để lại ấn tích sâu đậm trong Tiềm thức dân tộc. Chính vì thế mà Kinh điển vẫn phải được coi trọng hơn bất cứ sách nào khác. Sự coi trọng đó sẽ được thể hiện bằng cách đưa vào chương trình học từ thuở Thơ ấu để được nó in sâu vào Tiềm thức, cũng như được bao trùm bằng quang sáng bình minh mát dịu, làm bằng hồn nhiên tươi đẹp của tuổi thơ ngây. Điều này sẽ được bù lại phần nào sự ồn ào tràn ngập sách vở ngày nay.

Sau đó là cần phải tiếp nối việc học theo cách Việt Nho, thì mới mong làm cho sự học Kinh điển trở nên ích lợi, và gây được hứng thú ngay cho tâm trạng thời đại. Vì vậy nếu ở bậc Tiểu học chỉ cần học thuộc lòng thì đến bậc Trung học lại phải giải nghĩa, theo chiều hướng Việt Nho, có thể quy ra ba yếu tố:

#### IX.- Gạn đục khơi trong Hán Nho

1.- Tìm về nguồn gốc Việt Nho khác với Hán Nho, để trích lọc tinh hoa.

2.- Rời đối chiếu với trào lưu tư tưởng thế giới.

3.- Sau đó đi sâu vào Cơ cấu, tức là phần uyên nguyên Minh triết, Triết lý để rút ra những kết luận hợp với cảm quan thời đại.

Y

êu tố thứ nhất nhằm giúp chúng ta nhớ lại phần đóng góp Tổ tiên xa xưa của Việt tộc, và nhất là giúp nhận diện được bản chất Nho giáo. Tiên nhân ta thiếu phần này, nên ký tụng nhiều điều mâu thuẫn mà không hay biết, do đây thiếu một ý thức rõ rệt, được luận giải minh nhiên về Nho, nên không đủ mạnh để đương đầu với sức tấn công của các tư trào ngoại lai, được minh – nhiên – hoá một cách có hệ thống.

Y

êu tố thứ hai chính là bầu khí của thời đại này, một thời đại gặp gỡ, đối thoại giao thoa trên hết mọi lãnh vực, kể cả văn hoá mà có thể nói nhất là văn hoá . Sự đối chiếu vừa làm cho chúng ta nhận được cách sâu xa những giá trị cần phát huy, cũng như những nhược điểm lỗi thời cần phải bỏ, giúp sự học trở nên ích lợi cho đời sống.

Y

êu tố thứ ba là nhận ra tính chất phổ quát của nền văn hoá nước nhà. Lúc ấy chúng ta sẽ nhận được một điều an ủi lạ lùng, là Việt Nho không những giúp ta làm con người

**muôn thuở “ Vi Nhân ”. Nói cách khác, Việt Nho chính là Đạo làm Người, thích hợp cho muôn nơi và muôn thuở.**

Phần trích dưới đây là những tư tưởng chủ đạo của Tổ tiên Việt, để cho các em học ghi sâu vào lòng, đó là những mốc tư tưởng, tuy có nhiều câu các em chưa thể hiểu rõ được, nhưng sự học hỏi liên tiếp về sau sẽ ngày càng một sáng rõ hơn. Những câu chưa có thể giảng cho các em rõ được, thì chỉ nói khi các em học thêm sẽ hiểu lần.

Thiết tưởng ta cần nói thêm một ít nữa về chữ Nho để chúng ta xác tín rằng học chữ Nho là cần thiết và rất có ích cho công việc thành thân và nhất là thành nhân.

### **X.- Tóm tắt Việt Nho và Triết lý An vi**

*Nói chung, mặc dầu Nho có sự đóng góp của người Tàu, nhưng phần Nền tảng và Nội dung Nho giáo là của đại chúng Việt, hai phần này là quan trọng nhất .*

*Còn phần bá đạo là do các nhà cầm quyền các triều đại của Tàu lần lượt xen dậm vào, cạo sửa vết tích và xuyên tạc để thành Hán Nho, nhờ đó mà chúng ta nhân ra Hán Nho là mớ hỗn tạp của Văn hoá Bá đạo ( phục vụ thiểu số độc tài ) của đại Hán và Văn hoá Vương đạo của Việt tộc ( phục vụ toàn dân )*

*Do đó mà việc đã kích Nho là không đúng, đã kích Hán Nho thì chỉ đúng một nửa, sự đã kích không chính xác đó lại phá hoại Tinh thần Bất khuất của Dân tộc .*

### **VIỆT NHO & TRIẾT LÝ AN VI**

*Triết gia Kim Định đã viết ra 46 tác phẩm để khai quật lên Việt Nho và Triết lý An vi đã bị chôn vùi qua hàng ngàn thế kỷ, kể từ thời Văn hoá Hoà Bình. Chúng tôi đã hệ thống lại theo các nét chính sau :*

*Việt Nho là Cơ cấu, là Thể xác của nền Văn hoá Việt Nam, còn Triết lý An vi là Linh hồn của Việt Nho. Linh hồn đó là Tinh thần Hòa của các cặp Nghịch số trong Vũ trụ, được tổng quát bằng Thái cực : Âm ./ Dương hòa .*

*Việt Nho / Triết lý An Vi được Lương nhất thì trở thành nền Văn hoá Thái hòa Dân tộc.*

*Việt Nho gồm một hệ thống về Vũ trụ quan, Nhân sinh quan, Lộ đồ Tu, Tề Trị, Bình để đem Công lý vào Xã hội và Đạt quan an nhiên tự tại.*

*Việt Nho gồm hai phần Cơ cấu và Nội dung.*

#### **A.- Cơ cấu**

#### **I.- Bộ số : 2-3, 5**

*Chúng ta tìm thấy Bộ Huyền số đó trong Huyền thoại, Cổ vật, cổ nghệ, tiểu biểu nhất là:*



1.

- Huyền thoại: \*Tiên / Rồng, Ngọc Long Toại với cặp Trống / Mái: số 2

\* Sách Ước với hai trang Hỏa ( số 2 ) và Mộc ( số 3 ) và một trang trống không: “ Thổ”, Thổ đại diện cho Vô. Theo Ngũ hành thì 4 hành xung quanh đại diện cho Thế giới Hiện tượng hay Hữu, còn Thổ đại diện cho Vô thuộc Nguồn Tâm linh.

Hữu ( Khoa học ) / Vô ( Tâm linh ) = Thái cực .

2.

- Cổ vật: Cây Phủ Việt: \* Ở trên với số 2. Cặp Gái / Trai giao hai tay chân gọi là cái hoa kết hoa: số 2.

\*Ở dưới với số 3: 3 người mang lông chim trên đầu và 3 con nai ( Lộc ).

Cây Phủ Việt mang Danh Tính ( Việt ) và Thể tính ( Cơ cấu, Nội dung Văn hoá ) Việt Nam.

Vậy cây Phủ Việt mang bộ số Huyền niệm; 2-3,5 ( 2 + 3 = 5)

số 2 thuộc Hỏa, số 3 thuộc Mộc, số 5 thuộc Thổ trong Đồ hình và Số độ Ngũ hành.

**B.- Nội dung: Ý nghĩa của Bộ số Huyền niệm 2-3, 5**

### I.- Vũ trụ quan

S

ố 2: Dịch Lý : Tiên / Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương hay Âm / Dương hòa Những tiểu Thái cực của Âm / Dương như Gái / Trai, Mái / Trống, Cái / Đực, Nhụy Cái / Nhụy Đực đều là nguồn sinh sinh hóa hóa của Vũ trụ., trong đó con người là Tiểu Vũ trụ.

### II.- Nhân sinh quan

S

ố 3: Nhân chủ : Con người Việt Nho Không Duy Tâm, không Duy Vật mà là Tâm / Vật lưỡng nhất, nên có khả năng tự Chủ tự Lực tự Cường. Đây là con người không cam tâm làm nô lệ, mà là con người có khả năng làm Chủ Vận hệ mình, gia đình và Đất nước mình.

S

ố 5= 2+3: Tâm linh

S

ố 5 thuộc hành Thổ trong Ngũ hành tức là dynamic force ( hay  $E = mc^2$  ) hay là nguồn Sóng thuộc vật chất ( hành Thủy ) và nguồn Sáng thuộc Tinh thần: Nhân / Nghĩa . ( Nhân = Thủy ( Vật chất ) + Hỏa ( Năng lượng : Tinh thần: Nhân / Nghĩa ). Khi sống sao cho Nhân / Nghĩa lưỡng nhất thì trở nên Hùng / Dũng .

**Đây là nguồn sống giúp con người có Nhân phẩm để xứng danh là Tào hóa con.**

### **III.- Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình**

#### **1.- Tu**

*Đây là lối Tu theo đường lối Triệt Thượng và Triệt Hạ Lương nhất .*

**T**

*riệt Thượng để un đúc Lòng Nhân rộng.*

**T**

*riệt Hạ để rèn luyện Trí sâu,*

**K**

*hi biết sống nương theo Triết lý Âm / Dương hoà để cho Thượng/ Hạ giao hoà hay Lương nhất thì đạt Nhân / Trí hay Nhân / Nghĩa.*

*Khi hành xử sao cho Nhân / Nghĩa nhập thần thì trở nên Hùng / Dũng.*

**Phương cách Vi Nhân hay Tu Thân là:**

**H**

*oàn thiện mọi việc Làm từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới Lớn, từ Đơn giản tới Phức tạp, từ Tâm thường tới Phi thường để trưởng Trí,*

**H**

*oàn thiện mọi mối Liên hệ theo tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa nhập thần ( Tình / Lý tương tham ) để Hoà với :*

**\***

*Bản thân sao cho Thân / Tâm Lương nhất ( Body & Mind in One )*

**\***

*Mọi người trong Gia đình và Cộng đồng;*

**\***

*Với Trời Đất bằng cách sống nương theo các Định luật trong Vũ trụ như Luật Biến động ( Dịch lý ), luật Giá sắc hay Nhân quả, Luật Loại Tu hay Trường nào theo Tập nấy, luật Phản phục tức là Quy Tư.*

**\***

*Với Môi trường.*

*Đó là cách con Người nương theo Dịch lý để sống Hoà với Tiết nhịp Hoà của Vũ trụ ( Cosmic rhythm )*

#### **2.- Tề**

Gái / Trai xây dựng Gia đình bắt đầu bằng hai cuộc Lễ :

L

Ễ **Thành hôn** mang **bản chất Tình** để hai người Gái Trai kết hợp với nhau thành Một ( One Body, One Mind ), Lễ này **Chung** cho Gia đình họ hàng, cộng đồng.

L

Ễ **Giao bái** thì **Riêng** cho Vợ Chồng được thực hiện trong phòng riêng trước khi trao thân gửi phận cho nhau, hai bên cùng bái nhau và uống nửa chén rượu để thể ước tôn trọng nhau suốt đời. Với Tính Yêu và lòng Tôn trọng nhau , Vợ Chồng sẽ sống Hoà thuận với nhau, xây nên **Tổ Ấm** để cho “ **Thuận Vợ thuận Chồng tát Bể Đông cũng cạn** “. **Tổ Ấm** giúp Vợ chồng sống hạnh phúc bên nhau cho tới khi “**Đầu bạc răng long, cốt rủ xương mòn**”. **Tổ Ấm** còn là nơi uơm Tình luyện Trí cho con cái trở thành **Trai hùng Gái Đằm**. Do không hiểu ý nghĩa quan trọng của Lễ **Giao bái**, nên bỏ đi, khiến nhiều Gia đình trở thành **Tổ Nóng** hay **Tổ Lạnh**!

### 3.- Trị

Gia đình **Thuận Vợ thuận Chồng** được chọn làm viên gạch nền tảng cho **Quốc gia** để mọi người chung Lòng, chung Trí, góp sức cùng nhau xây nhà **Xây dựng** và **Bảo vệ Đất nước**. Còn **Chế độ Chính trị** thì theo thể chế **Nhân Trị** gồm **Lễ Trị** và **Pháp trị**:

L

Ễ **Trị** giúp mọi người Tu Thân hầu tự mình tránh làm điều **Bất công**. **Đây là hàng rào cản** ( giúp tự mình tránh Phạm pháp ) **bên Trong mọi người**.

P

**háp Trị** giúp thành phần yếu đuối sống theo nẻo **Công chính**, **Luật pháp** giúp họ cải tà quy chánh. **Đây là hàng rào bên Ngoài ngoài xã hội** .

Trong ba cách cai trị :

**Nhân giả an nhân** ( *Nhân bản* )

**Trí giả Lợi nhân** ( *Tư bản* )

**Úy giả Cường nhân** ( *Độc tài và CS* )

Tổ tiên chúng ta chọn cách “ **Nhân giả an nhân** :nguồn của **Nhân Trị**.”

### 4.- Bình

**Bằng cách thực hiện Thể chế Chính trị: Dân chủ**

**Nền chính trị phải đặt trên nền tảng người Dân :**

**“ Dân vi Bang bản, Bản cố bang ninh.”**

**Dân vi quý, Xã tắc thứ chi, Quân vi khinh.**

**Đây là nền tảng chế độ Dân chủ.**

M

uốn xây dựng **Chế độ Dân chủ** thì phải **khử Gian trù Bạo**, nên phải “ **Tru bạo quốc chi**

**quân, nhược tru Độc phu:** Giết Ông Vua bạo ngược ( hay đảng phái độc tài ) cũng như trừ khử những tên phàm phu tục tử )

#### IV.- Hoạt động Chính trị để đem Công lý vào Cơ chế Xã hội

##### Hai mục tiêu của Chính trị

1.- **Phú chi để cải tiến Dân sinh** thay vì **Bần cùng hoá** .

2.- **Giáo Chi để nâng cao Dân trí** thay vì **Ngu dân**.

*Khi Dân sinh Dân Trí được nâng cao thì Dân khí cũng được nâng cao theo, đây là nguồn Nội lực của Dân tộc cũng là tinh thần Bất khuất của Dân tộc.*

##### 3.- Phương cách Thực hiện Công lý Xã hội

*Chúng ta nên nhớ nền tảng của Văn hoá Dân tộc là cặp đối cực Tiên / Rõng, là Ngọc Long Toại với cặp Trống / Mái, . . . đó là các cặp đối cực của Dịch lý Âm / Dương hoà hay Tiểu Thái cực trong Vũ trụ mang Tính chất lưỡng cực Nhất nguyên ( dual unit ) hay Âm Dương hoà.*

*Âm / Dương là đối cực ngược nhau như Gần / Xa, Trước / sau., Trên / Dưới. Trong / Ngoài. Cũ / Mới. Thời gian / Không gian. Đông / Tây, Tĩnh / Động, Vũ / Trụ , Ly tâm / Quy tâm, Suy tư / Quy Tư . . . làm sao cho các cặp đối cực trở thành Nhất nguyên được hay lưỡng nhất thì đạt Minh triết hay đạt trạng thái Âm / Dương hoà để cho được vừa Tiến bộ và Ổn định, ổn định trong trạng thái Quân bình động.*

*Nho gọi đó là cách Âm / Dương tương thối nghĩa là hai bên phải chấp nhận nhau, bàn xuôi tính ngược sao cho đồng thuận tới một giải pháp lưỡng lợi: Không ai thiệt hoàn toàn và không ai lợi hoàn toàn để hòa tạm thời với nhau, đó là thể Hoà ở trạng thái Quân bình động ( dynamic equilibrium ), Nho gọi cách đó là **Chấp kỳ lưỡng đoan** ( Chấp nhận nhau ) và **Doãn chấp quyết Trung** gọi là **Trung đạo** nghĩa là hai bên “ cò kê bót một thêm hai “ sao cho hai bên đều đồng thuận chấp nhận .*

*Lối hành xử này ngày nay gọi là **Hoà giải giữa hai đối phương**, nghĩa là “ hai bên không hoàn toàn chấp nhận nhau “ và “ cũng không hoàn toàn phủ nhận nhau “, nên cùng nhau tìm ra giải pháp khả chấp nằm đâu đây giữa hai bên.*

***Lối sinh hoạt Dân chủ này tạo ra sự Cân bằng và Tiến bộ, chứ không Cực đoan như CS, khi gặp khủng hoảng là đổ cả mảng, vì cực đoan, chỉ đi có một chân nên mới ngã. .***

*Còn sinh hoạt của Chế độ Dân chủ Hoa kỳ đều theo lối Đối thoại để lập thể Quân bình theo hai quy ước:*

*“ **Thiểu số phục tùng Đa số** ( trong cả 3 ngành : **Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp** ) và **Đa số phục tùng Thiểu số** ( **Lập pháp và Hành pháp** đối với **Tối cao pháp viện**, cũng như trong cuộc Bầu cử: **Phiếu Cử tri đoàn** < **Thiểu số** > quan trọng hơn **phiếu Dân bầu** < **Đa số** > ).*

*Đó là cũng là lối sinh hoạt theo Dịch lý Âm Dương hoà của Đông phương, nên khi gặp khủng hoảng là tái lập được thể Quân bình ngay.*

Trở lại với việc thiết lập các Cơ chế Xã hội. Nền Văn hoá Thái hòa của Dân tộc chúng ta là Việt Nho mang Tinh thần Triết lý An vi có nền tảng từ Thái cực: Âm Dương hoà, nên các Cơ chế xã hội cũng phải được xây dựng trên các Tiểu Thái cực tương ứng theo Dịch Lý để cho luôn được Tiến bộ và Quân bình.

4.- Từ nền Văn hóa có nền tảng Thái cực : Âm / Dương hòa hay Lưỡng nhất Chúng ta xây dựng các Cơ chế Xã hội theo tinh thần Hoà nhờ các cặp đối cực tương ứng được Lưỡng hợp theo Dịch lý:

**a.- Kinh tế : Công hữu / Tư hữu Lưỡng nhất**  
Để quân bình với sự chênh lệch từ Thiên bẩm của từng Cá nhân.

**b.- Giáo dục: Thành Nhân / Thành Thân Lưỡng nhất**  
Thành Nhân để có Tư cách, Thành Thân để có Khả năng .

**c.- Chính trị: Nhân quyền / Dân quyền Lưỡng nhất**  
Nhân quyền cho Tự do, Dân quyền cho Luật pháp, khi Tự do / Luật pháp được Lưỡng nhất thì Xã hội sẽ được trị an.

**d.- Xã hội: Dân sinh / Dân Trí Lưỡng nhất**  
Dân sinh cho Vật chất, Dân Trí cho Tinh thần, cho Tâm, khi Tâm / Vật lưỡng nhất thì Thân an Tâm lạc.  
Dân sinh / Dân Trí có được điều hòa thì mới giúp nâng cao Dân khí để xây dựng Nội lực Dân tộc.

Hạ tầng Cơ sở / Thượng tầng kiến trúc Xã hội phải được lưỡng nhất.  
Thì khi đó mới mong Xã hội được an bình nhờ luôn Tiến bộ và Quân bình.

Đây mới là Chính lược Quốc gia chứ chưa phải Chiến lược và Chiến thuật điều hành Đất nước, Chính lược mới là cái La bàn Văn hóa định hướng cho mọi Cơ chế Xã hội. Một nền chính trị mà không có Chiến lược và Chiến thuật bắt nguồn từ Văn hoá Dân tộc là nền Chính trị thiếu Chính lược, nên Vô Hồn Vô Hướng.

#### V.- Đạt quan

Mỗi cá nhân cần phải tu dưỡng Nhân Nghĩa để sao cho được Hùng Dũng:

**T**  
rong nếp sống, Dân tộc chúng ta chọn lối Chiết trung giữa Diệt dục và Đa Dục, không Diệt dục để cho thân được xác phát triển toàn diện, không Đa dục để tránh rơi vào lưới Tham, Sân, Si mà sa vào nghiệp chướng trầm luân. Đó là nếp sống Quả dục hay Tiết độ.

Trong hành động thì Không để bị Cường hành mà làm Nô lệ, không lao mình vào con đường Lợi hành để là chuyện Bất công gây rối loạn gia đình và xã hội, mà hành động theo An hành: hành xử chiết trung giữa Cường hành và Lợi hành, nghĩa là thấy điều hợp với Nhân Nghĩa thì quyết làm cho được, còn những điều Bất công gây khổ đau cho người khác thì quyết chối từ. nếu sống được như thế thì không những hoà được với lân nhân mà còn hoà được với Trời Đất, Nho bảo là Hợp với :

“ **Thiên sinh** ( nguồn Tâm linh )  
**Địa Dưỡng** ( Theo Khoa học )  
**Nhân hòa** ( khi Tâm linh / Khoa học lưỡng nhất )”.

**Nếp sống đó được gọi là Phong Lưu:** Phong ( Gió ) thuộc Thiên, Lưu ( Nước ) thuộc Địa.  
**Phong Lưu là khi : Thiên / Địa Lưỡng nhất = Hòa.**

**C.- Tinh thần Bất khuất của nền Văn hoá: Việt Nho & Triết lý An vi**

*Tinh thần Bất khuất được thốt ra trong lời của Người Cha truyền Tinh thần Văn hoá của Tổ Tiên cho người con Trai trưởng thành lúc làm Lễ Gia quan hay là Lễ Đới Mũ để trang bị tinh thần Bất khuất cho con lúc tới tuổi 20 để bước chân vào đời sống Tự lập:*

“ **Cư Thiên Hạ cho quảng cư:** Con phải biết cách sống trong khoảng Trời cao Đất dày.

**Hành Thiên Hạ chi Đại Đạo:** Hành động theo tinh thần Hoà của Đại Đạo Âm Dương hòa, tức là Đạo Lớn Vợ Chồng để cho “ **Thuận Vợ thuận Chồng, tát Bể Đông cũng cạn** ”

**Phú quý bất năng dâm:** Có được giàu sang thì cũng không sống Dâm dật hay lạm dụng mọi thứ. mà là sống Tiết độ theo nếp sống Quả dục.

**Bần tiện bất năng Di:** Có gặp phải lúc nghèo nàn cũng không thay đổi nếp sống Tiết độ theo Nhân Nghĩa trên.

**Uy vũ bất năng khuất:** Khi bị uy hiếp làm cho con người mất hết Nhân phẩm thì không bao giờ chịu khuất phục. Nhân phẩm là quyền của mọi người đều **được An** ( có Tự hữu ), quyền **được Nói** ( Quyền Tự do Văn hoá, Tôn giáo, chính trị và quyền Tự do căn bản khác ) để có Cơ hội và phương tiện **trau dồi Nhân phẩm.**”

**Những lời trên là lời Cha Mẹ trao gởi cho con lúc làm Lễ Gia quan để cho người con lúc 20 tuổi được thoát ra khỏi tầm tay của Cha Mẹ mà bước vào đời sống tự lập, Lễ này cũng là Lễ Thành Đính.**

Để có được tinh thần bất khuất Cha ông chúng ta đã có đường lối thực hiện **Cách Làm Người: Vi Nhân**, một cách bền vững lâu dài. Việc Tu Thân là quá trình Vi nhân suốt đời:

**Khi được thụ thai** trong Lòng Mẹ thì người con đã được hưởng thụ thai giáo từ người Mẹ.

**Khi sống trong Gia đình** thì người con được người Mẹ yếm Tình, người Cha luyện Trí sao cho **Tình / Lý tương tham** hay **Nhân / Nghĩa nhập thân** để khi Trưởng thành thì trở nên **Trao hùng Gái Đám.**

**Khi ra sống ở Đời** thì không hành động theo lối **Cưỡng hành** để ức hiếp người khác, cũng không để bị người khác áp chế làm kẻ nô lệ, và cũng không theo lối **Lợi hành** để làm chuyện Bất công gây khổ đau cho người khác, nên buộc phải **An hành**, nghĩa là thấy điều

hợp với Nhân Nghĩa hay Tình / Lý tương tham thì quyết làm cho được, trái lại thì nhất định không.

Đó là nếp sống “ **Thong dong tự Nghĩa nan**: Cứ từ tốn mà sống cho Công bằng ( theo đức Nghĩa ) theo Thiên lý hay Dịch lý để mọi người Hòa với nhau, nên rất khó: **Vi Nhân nan hĩ**: Làm Người khó thay !

Xưa nay phần nhiều các nước trên thế giới đều hành xử theo lối: **Khảng khái tung Vương dị**: hăng hái vác gươm giáo theo Vua theo Đảng đánh Tây dẹp Động đả : **Dị Cường lãng Nhược** : lấy Mạnh hiếp Yếu, mà gây khổ đau cho con Người, thế mà còn được ca tụng là anh hùng !

Xem ra nền Văn hoá Tổ tiên sống theo lối “ **Thung dung tự Nghĩa nan** ” tuy có phần khó khăn nơi cách Vi Nhân, nhưng không có què mùa và lạc hậu như nhiều người lầm tưởng! Ngày nay, sống trong Xã hội Văn minh kiểu “ **To Thuyền To Sóng** “ làm cho con Người quá mệt nhọc và căng thẳng, họ khó dành được thời gian thanh thoi để Vi Nhân theo lối trường kỳ như Tổ Tiên để un Nhân rèn Nghĩa, họ chỉ muốn sống một cách thoải mái tự nhiên, không bị ràng buộc, nếp sống này nặng về Cá nhân, nên lần lần làm xoi mòn tinh thần Công thế, Tinh thần Bất khuất Dân tộc được khơi nguồn sa sút từ đây!

#### **D.- Đại nạn mất Gốc**

Để nhận ra nguồn gốc sâu xa của nạn mất Gốc, chúng tôi xin trưng lời Tựa cuốn **Tâm tư** của T. G. Kim Định :

“ Đã một dạo chúng ta quen nghe nói rằng Viễn Đông không có khoa Danh lý, đó là câu nói chỉ thật có lớp ngoài, mà sai lớp trong.

Nhìn bao trùm đường vận hành của tư tưởng nhân loại, chúng ta có thể phân ra ba lối suy luận :

Lối thứ nhất là có **Danh lý của Triết học Tây Âu**, xây trên **Lý lẽ** được rút ra từ sự kiện hay ý niệm của sự vật.

Lối thứ hai là **Triết lý của Ấn Độ** gọi là **Vô lý hay Phản lý**: Tuyệt đối quay lưng với lý lẽ suy luận

Lối thứ ba . **Viễn Đông** không Hữu lý hay Phản lý nhưng là **Hàm lý**, nghĩa là **lý luận chỉ đóng vai trò tương đối và nằm khuất trong Tình cảm, làm nên một lối lý luận riêng biệt vận chuyển ba đợt: Lý, Tình, Chí**:

Tận cùng của **Lý** là lý luận **Biện chứng** ( Suy tư theo Dịch lý để phát triển Lý trí )

Tận cùng của **Tình** là Cảm nghiệm, là Nghệ thuật. ( nhờ Quy tư mà un đức nguồn Tình )

Tận cùng của **Chí** là **Thể nghiệm** ( experience ) là **ngộ Đạo** ( enlightened ) , khi sống sao cho Tình / Lý lưỡng nhất tức nhận ra chiều kích Vũ trụ nơi mình. Ta gọi đó là An tư hay Tâm tư “ ( nhờ Thiên lý tại Nhân Tâm ) ”

Qua những lời trình bày trên về Văn hoá Tổ tiên: **Việt Nho và Triết lý An vi** là một nền **Văn hóa Nhân bản từ Gốc tới Ngọn**:

**Gốc bắt nguồn từ Tâm tư, Ngọn ở nơi Dịch lý**, nếu biết đem Tinh thần Gốc / Ngọn đó để thực hiện một nền Dân chủ thực sự thì vô cùng quý giá cho con Người và Dân tộc, vì nền Văn hoá khởi từ Tâm Tư của con Người và phải được vận chuyển trải qua 3 đợt: Lý,

Tình,Chí như đã bàn ở trên, nên có khả năng giúp cho con người phát triển một cách toàn diện.

Đây là con đường mòn thiên nan vạn nan, không nhờ hành trình sinh hoạt trải qua 3 đợt Lý, Tình, Chí thì khó vượt qua trâm luân khổ nạn do Thiên tai cũng như Nhân họa, do chính con Người mất Gốc gây ra. Chính sự mất Gốc gây nên cảnh phân hóa như ngày nay. Vậy Gốc đó là gì?

**Thưa là: Việt Nho và Triết lý An vi.**

## **E.- Vấn đề đang đang làm bận tâm chúng ta**

### **I.- Hán Nho & Việt Nho**

Tới đây chúng ta đã rõ Hán Nho là một mối hổ lốn giữa Vương đạo của Chũng Việt và Bá đạo của Hoa Hán.

Chúng ta quyết chống Hán Nho là chống những tư tưởng bạo động của nền Văn hoá Du mục trong Nho của nhà cầm quyền Hoa Hán xen dậm vào Nho để dùng Bạo lực gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng suốt 4715 ( kể đến 2018 ) kể từ Hiên Viên Hoàng đế.

Chữ Tượng Hình cứu mang Linh hồn của Nho, có người chủ trương chống chữ Tượng Hình, tưởng là chữ xấu xa, không ngờ chữ Tượng Hình lại là nguồn mạch chất chứa Tinh thần Bất khuất của Dân tộc.

Chúng ta chẳng những không chống mà còn phục hoạt phần Tinh thần Vương đạo của Nho, vì Nho là Gốc và Ngọn của Văn hoá Việt Nam. Đó là Việt Nho và Triết Lý An vi

Lý do phục hoạt lại Việt Nho và Triết lý An vi là phục hoạt lại Tinh thần Bất khuất đã giúp Dân tộc chúng ta giữ vững Độc lập suốt 4897 năm trường tới nay.

### **II.- Chữ Hán**

Chẳng có chữ Hán nào hết, mà chỉ có chữ Nho, vì Nội dung Nho giáo và Chữ Nho là của đại chũng Việt, trong đó có Trung Hoa, nên nhớ 70 % dân Trung hoa đều thuộc đại chũng Việt cũng sống theo tinh thần Nho Vương đạo.

Tuy nhà Hán tuyên bố lấy Nho làm Quốc giáo, nhưng lại lập Gác Thạch cừ dùng 50 Bác sĩ để cạo sửa, xen dậm và xuyên tạc Nho thành Hán Nho bá đạo. Đa số các nhà cầm quyền Trung hoa từ xưa tới nay đều cai trị dân theo Bá đạo. Chúng ta chống nhà cầm quyền bạo động cướp bóc Trung hoa mà không chống Nhân dân Trung Hoa, vì 70 % Dân Trung Hoa đều thuộc Chũng Việt, cũng là anh em chúng ta.

Mấy lâu nay trong nước có phong trào chống dạy chữ Hán và Tiếng Việt cải cách theo Tàu của Bùi Hiền mà nhân dân tặng cho biệt danh là Búi Hèn.

Chúng ta nên biết chẳng có chữ Hán nào cả, vì nhà Hán cưỡng đoạt Nho giáo gồm Hình thức chữ Nho và Nội dung Nho giáo thuộc chũng Việt, họ thêm yếu tố bạo động của Du mục vào, rồi họ tìm cách đánh tráo cho Hán Nho là của riêng họ, quả thật Tinh thần bạo động của đại Hán đã ngự trị Nho, nên chống chữ Hán không chỉ chống tính chất Bá đạo trong Nho mà không đề “ chống lây “ luôn Vương đạo của Nho, khi chống lầm vào chữ Nho của chũng Việt là mắc mưu giặc, vì chữ Nho là Văn tự chuyển



*tài Nho giáo, nên phá tan luôn Nội dung Nho, tức là Tinh thần Bất khuất của Dân tộc Việt Nam.*

*Sự làm lẫn mất Gốc này làm cho Dân tộc ta mất dần Văn hóa, lẽ dĩ nhiên, một Dân tộc không Văn hoá sẽ bị tiêu diệt, đó là Dân tộc chúng ta đã vô tình giúp Đại Hán tiêu diệt Văn hoá ngàn đời của chính Tổ Tiên mình!*

*Đây là niềm đau lớn lao và nỗi nhục nhã khôn nguôi của Dân tộc chúng ta!*

*Cái Lòng tự cao cứ ngạo nghễ cho mình là Văn minh tân tiến mà phủ nhận nguồn Gốc cho là lạc hậu của Tổ Tiên, chính nguồn cơn “ Lạc Hồn Dân tộc “ này gây ra tình trạng lạc hậu kéo theo bao nhiêu nhục nhã và đớn đau ê chề hiện nay !*

**Cứ xem Dân tộc Nhật và Nam Hàn, Singapore, Hongkong họ còn dùng chữ Nho mà có lạc hậu đâu!**

### III.- Chữ Nho

*Chủ nhân sáng tạo ra Dịch là Việt tộc, mà Dịch và Ngũ hành là nền tảng của Nho mà Trung hoa không sáng tạo nên, nên cả Nho và Dịch không do Hoa Hán sáng tạo ra, họ có Hán Nho và Dịch 64 quẻ là do họ cưỡng đoạt Nho và Dịch của chúng Việt và sau đó làm cho Nho trở thành Hán Nho bá đạo. Vậy Ghét Nho, Chống Nho là chống lại Tinh thần Bất khuất của Dân tộc Việt Nam.*

*( Xin xem cuốn Dịch Tàu, Dịch Việt, Văn Hóa Việt, Văn Hóa Tàu của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net.index )*

### G.- SỰ NGUY HẠI CỦA SỰ CHỐI BỎ NHO GIÁO VÀ CHỮ NHO

*Vì quên Gốc quá lâu, nên có một số vị Tân học không hiểu những khúc mắc khó tháo gỡ về Nho, mà mắc bẫy Đại Hán, khiến chính Dân tộc mình chống Tinh thần Bất khuất của Tổ tiên mình để lâm vào tình trạng phân hoá như ngày nay, đến nỗi với hơn 90 triệu dân mà để mấy triệu CS theo Văn hoá bạo động Du mục ( Cả Trung và Việt cộng ) đè đầu cỡi cổ và hành hạ gần thế kỷ!*

*Xin quý vị chống Khổng Tử, chống Nho ( chứ không phải Hán Nho ) cùng chúng tôi cùng nhau thử bỏ Nho trong mọi lãnh vực của Văn hoá Việt Nam để xem tình trạng đó ra sao?*

***Bỏ chữ Nho là bỏ hết tất cả những gì quý báu nhất của Dân tộc đã xây dựng được trong 4897 năm.***

### I.- Con Người

*Bỏ chữ Nho là bỏ mất Con Người, vì con Người mang tên chữ Nho là **Nhân** ( Những chữ có gạch dưới đều là chữ Nho )*

*Trước hết là bỏ chữ **Nhân** với **Ái Thân, ái Nhân** đi thì còn Ái gì nữa không, hay chỉ **ái Kim Ngân, ái Tham, Sân, Si, ái Sắc dục.***

*Tiếp đến là bỏ hai chữ :**Nhân Dân**. Bỏ **Nhân** thì mất **Nhân quyền**, bỏ **Dân** thì **Dân quyền** cũng tiêu, thử tìm chữ nào hay hơn thay thế vào hay bỏ đi tất cả ?*

**Rời bỏ Nhân phẩm con Người: Nhân / Nghĩa, Hùng / Dũng, Bao dung đi rời thì con Người còn gì hay mang thân xác trần trụi mà trở về thời mông muội như CS, CS yêu nước bằng cách tước đoạt Tài sản, Tự do và Sinh Mạng của một số Đồng bào Trí thức và Phú quý.**

## II.- Tổ Tiên & Tinh Thần Dân tộc

**Bỏ Chữ Nho là Bỏ tên Tổ tiên tự ngàn đời và cũng bỏ luôn Tinh thần Lập Quốc và Cứu quốc của Dân tộc**

Bỏ mấy chữ Nho như : Bàn Cổ, Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông ( Viêm đế ), Hữu Sào, Hồng Bàng , Âu Cơ, Lạc Long, Sĩ Vụ , Trưng Trắc, Trưng Nhị, Triệu Âu, các Vua Tỏi từ các Triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn cùng tên mọi con dân Việt Nam đều bằng chữ Nho, nếu cứ bỏ hết Lê Đại Hành, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ Quang Trung cùng bao nhiêu anh hùng hào kiệt . . . suốt 4897 năm, thì rõ là Tổ tiên chúng ta nếu còn lại thì là Mác là Lênin, Stalin là không có chữ Nho, nhưng Mao Trạch Đông và Hồ Quang Hán tặc vẫn còn mang tên chữ Nho? Bỏ mấy tên chữ Nho là bỏ mất Văn Hiến của Việt Nam. Văn là nguồn Văn hoá đã được kết tinh từ Thời Văn hoá Hòa Bình cách nay từ 12 ngàn năm đến 30 ngàn năm. Hiến là những Anh hùng Hào kiệt đã hy hiến thân tâm cho Đất nước suốt dòng Lịch sử.

Nguồn Văn hoá đó là: Tinh Nhân ái, Lý Công chính, Bao dung hay Hùng / Dũng. Đó là Tinh thần Bất khuất của Dân tộc, là Nội lực của Dân tộc, một Dân tộc mất Nội lực thì “Hèn với Giặc vì phải làm đày tớ cho Giặc, Ác với Dân thì theo lệnh Giặc phải giết dân. Chữ Nho không những đóng vai trò quan trọng trong Con Người, trong Dân tộc mà còn ở khắp trong mọi lãnh vực của đời sống Việt Nam!

## III.- Thử nhận diện sự Mất Góc Văn hoá

Chúng tôi xin tạm trích hai bài và tô đậm những chữ Nho, và xin quý vị đã phá chữ Nho, xóa đi hết các chữ Nho đã tô đậm, rồi xin quý vị đọc phần còn lại để xem bài đó còn lại những gì, nếu đã mất hết ý nghĩa thì xin quý vị tạo ra Văn tự và Tinh thần mới thay vào cho hay hơn, hay nếp sống chúng ta ngày nay không cần ý nghĩa gì ráo rọi?

## NGUỒN GỐC QUỐC HIỆU, VẬT BIỂU CỦA VIỆT NAM VÀ TÀU

( Việt lý Tố Nguyên: Lễ vấn danh cô gái Việt. Kim Định )

### A.- Việc đặt tên cho một cá nhân

“ Người **thái cổ** coi việc đặt tên là một điều **tối trọng**, đến nỗi tên của một người được coi là **quyết định vận mạng** của người đó, thí dụ nếu **vận số** người này là vua , mà bị đặt nhầm cho tên **tiểu phu** sẽ cả đời đi kiếm củi, vì thế việc đặt tên trở nên rất **quan trọng** . Sự **quan trọng hóa** này có thể **giải nghĩa** cái **mãnh lực ma thuật** mà người **thái cổ** gán cho **danh hiệu**, hoặc vì người xưa rất **thành tín** bắt mỗi tiếng nói, mỗi **danh từ** phải có **nội dung trung thực**. vì thế mà đã có cả một môn phái **triết học** kêu là **Danh gia**. Người ta tin rằng ai biết gọi tên con vật là “ **chinh phục** “được nó. **Thuyết Chính**

**đanh định phận** có thể bắt nguồn từ niềm tin này. Vì thế mà việc đặt tên cho một người trở thành **nghi lễ trang trọng**, được kể là một trong 5 **Gia lễ**. Từ lâu lắm, mãi từ **thời khuyết sử** chúng ta đã nhìn ra dấu vết trong **Hồng Phạm** hoặc **thiên Nguyệt lệnh** trong **Kinh Lễ**, theo đó thì một người **Viêm Việt** có đến 5 tên và trải qua 3 lễ Đặt tên. 5 tên đó là :

**ính: 姓** T

**hũ danh: 乳名** N

**anh: 名** D

**ự (hiệu): 字** T

**hụy: 諡.** T

Hai tên trước không có **nghi lễ**, vì **Tính** là tên Họ như đã đ ược mang sẵn khi sanh ra ở Họ nào mang tên Họ ấy. Tên họ thường gắn liền với tên đất . ( Civ.292.)

Thứ đến là **Nhũ danh** là tên cha mẹ đặt tạm cho lúc mới **sinh**. Lúc đó cho là chưa có **Hồn** trên, mới chỉ có **Phách** là **Hồn** dưới vì hảy còn đỏ hoe, nên là phần **Huyết** đi với Mẹ , còn thiếu **liên hệ** với Cha là Khí **biểu lộ** bằng lông tóc. ( Civ. 382 ).

Sau 3 tháng thì đến **lễ** Đặt tên. Muốn đặt tên cho đúng **Tính Mệnh** thì phải tìm xem ngày **sinh** để hợp với cung nào trong **Ngũ Âm, Ngũ Vật**, rồi từ đó liên lạc với **Ngũ Vị, Ngũ Sắc** trên căn bản **Ngũ hành** ( P.C. 407. Maspéro 101. 109 ) mà đặt tên, vì tên **diễn tả** được **hồn**, và vì thế tên thường **liên quan** tới một **Vật linh** tức là con **vật biểu thị đức** nào đó. Bởi vậy chữ **vật** vừa có nghĩa là con vật mà cũng có nghĩa là người theo nghĩa **cao trọng**, do đó hiện nay chỉ những ai đã “ **thành công danh** “ mới được gọi là “ nhân vật ” ( Dances 158 ). Gọi thế là mới xét về “ Nhân tước “ mà chưa xét về mặt “ Thiên tước “, vì **Thiên tước** đòi phải “ **Thành Danh** “ theo nghĩa **hiện thực** được **đức tính** của vật linh ghi trong bảng **Nguyệt Lệnh**. Xem vào bảng **Nguyệt Lệnh** ( **Kinh Lễ**. Couvreur p, t.I p.410 ), ta sẽ thấy cả một **hệ thống tương ứng** về màu, sắc, thanh, âm, khiến cho sự đặt

tên tuy phải theo mùa mà cũng vẫn có thể **biến chế**, hoặc theo phần hình như tùy **giai đoạn** mà sự **chú trọng** để vào **thần, trùng, vị, sắc, thanh**. Trong đó **thanh** rất **quan trọng** tức là đặt tên theo **âm thanh** đưa trẻ phát ra khi mới **sinh**. Để nhân rõ **âm thanh** trẻ hợp với **cung luật** nào, hợp cho tháng nào (**Ứng Chung, Hoàng Chương, Thái Thốc. . .**) thường phải nhờ **nhạc sĩ** dùng ống quyển thổi lên để định xem tiếng trẻ **hợp** với **cung** nào. Cũng có khi người trong họ **đoán định** lấy như **trường hợp** ghi trong **Tả truyện** (Couvreur I p.584) Xem thế đủ biết người xưa tin vào **âm thanh, dạng thức. . .** có thể dẫn đến giết người, chứ không phải là điều thường coi khinh đi được.

Chữ **Vật** (物) vừa có nghĩa là **Bản tính** thâm sâu vừa có nghĩa là **bản tính** được **biểu thị** (essence emblématique) do sự **liên hệ** với con **vật** nào trong vòng **Địa chi** (**Tý, Sửu, Dần, Mão. . .**). Vì thế con vật sẽ được vẽ là cờ người chết gọi là **Minh Tinh** (Nghị lễ Couvreur 443. Dances 159) và lá cờ đó cũng gọi là **vật** được cắm lên **bài vị** tạm trong **nghi thức** đầu tiên của **lễ An táng**. Vì **Danh** đi với **Hồn** nên khi chết phải hú **Hồn** bằng **Danh**. **Danh** vì thế còn chỉ **tính mệnh** và sự sống (Tả truyện Couvreur I .317), nên phải giữ kín và trong **thường nhật** phải dùng **Nhũ danh**, hoặc **Tự** mà không dùng **Danh**.

**Lễ** đặt thứ hai (Tự) gọi là “**Quan lễ**” hay lễ **Gia Quan cử hành** vào tuổi 20 để chấm dứt tuổi “**Vị thanh Nhân**”, đăng ghi dấu bước vào đời **Tự lập**. Tên **Tự** là một **đức tính** mà người được đặt tên **tự ý** chọn lựa, nên nó là một bản tóm tắt **chương trình** của người đến 20 chú ý đến **đức** nào. Vì thế **Tự** là **hiệu** để làm **khẩu hiệu** cho người được gọi, bởi vậy người ta hay gọi tên này. Cuối cùng là tên **Thụy**, nôm na gọi là tên Cúng cơm là tên họ hàng đặt sau khi chết để **biểu dương công đức** hay **sự nghiệp** của người chết. Nếu tên tự là **Chí nguyện** là **Dự phóng**, thì tên **Thụy** kiểm soát xem **dự phóng hiện thực** đến đâu.

Đó là đại để 5 tên và 3 Lễ đặt tên đã có từ xa xưa và mỗi thời đổi thay chút ít, nhưng **tự trung** có 2 điểm nên **ghi chú**. Trước hết là việc đặt tên cho một người rất **quan trọng** và chia ra nhiều **giai đoạn** gọi là **Lễ**. Hai là tên có **liên hệ** tới **vật linh, vật Tổ**, nên có thể xem đó mà **luận đoán tính tình**.

### **B.- Việc đặt tên cho một Nước**

Đây là nói về một cá nhân, huống chi trong việc đặt tên cho Nước còn **cẩn thận** hơn nữa, nên cũng có một hay nhiều **Lễ** đặt tên. Đã nói đến Lễ là nói đến cái gì **linh thiêng** cao cả, chứ không đưa xuống **hạ tầng cơ sở** được như chúng ta sẽ bàn đến ở sau khi **giải nghĩa Giao Chỉ** là **Giao long** hay hai ngón chân xoè ra!

Nói khác **danh hiệu** một Nước có **liên hệ mật thiết** với **cơ cấu Tâm linh** của dân ấy là một cái gì **sâu xa** ẩn khuất, muốn hiểu cũng cần phải có làm một **Lễ “Vấn Danh”**, tức xét **cẩn thận** những **danh hiệu** của Nước, mới được gọi là **hợp “Đồng văn”** tức là **hợp** với **thần văn minh Đông Á**, chứ không thể coi thường mỗi khi muốn **ngiên cứ nghiêm chỉnh** về nền **triết lý Viễn Đông**.

Người **nhà nghiên cứu Sử** hay **bác cổ** mà sao nhãng điều đó là còn bỏ mất một phần **quan trọng**, đến như **triết lý** thì bỏ là bỏ mất **cái tinh hoa** nhất vậy.

### **C.- Nguồn gốc và Quốc hiệu Nước Việt Nam**

“ Theo **truyền thuyết** thì Đế Minh là cháu 3 đời vua **Thần Nông** nhân di **tuần thú** qua miền **Ngũ Lĩnh** lấy **Công chúa Vũ Tiên** mà sinh ra **Lộc Tục**. **Đế Minh** phong cho người con trưởng là **Đế Nghi** làm vua **phương Bắc**, còn **Lộc Tục** làm vua **phương Nam** xưng là **Kinh Dương Vương**, quốc hiệu là **Xích Quỷ**. **Kinh Dương Vương** lấy **Long Nữ** con gái **Động Đình Quân** sinh ra **Sùng Lãm** về sau nối ngôi cha xưng là **Lạc Long Quân**.

**Đế Lai** là con **Đế Nghi** sang ở **phương Bắc**, nhân nhớ tới họ hàng, nên cùng **Âu Cơ** xuống **Nam**, về sau nàng lấy **Lạc Long Quân** đẻ ra cái bọc 100 trứng, nở ra 100 con trai, rồi phong người con trưởng làm vua nước **Văn Lang** xưng là **Hùng Vương** truyền 18 đời, trị vì 2621 năm.

Đến năm 258 nhà **Thục** dứt, nhà **Thục** đặt tên nước là **Âu Lạc** ( 257 – 208 ).

Đời **Tần** ( 214 ) chiếm lấy **Âu Lạc** chia làm 3 quận.

**Triệu Đà** ( 208 – 111 ) khôi phục lại và đặt **quốc hiệu** là **Nam Việt**.

Nhà **Hán** dứt họ **Triệu** đặt **độ hộ** trên **Nam Việt**, lấy tên là **Giao Chỉ** ( 111 – 618 ).

Nhà **Đường** ( 618 -907 ) gọi là **An Nam đô hộ phủ**.

Nhà **Đinh** ( 968 – 980 ) gọi nước là **Đại Cồ Việt**.

Nhà **Lý** đổi ra **Đại Việt**.

Nhà **Tống** công nhận là **An Nam quốc**.

Đời **Gia Long** đặt là **Việt Nam**.

Vua **Minh mạng** đổi là **Đại Nam**.

Đến thời **Độc lập** gọi là **Việt Nam**.

Như thế từ ngày **độc lập** tới nay nước ta có tất cả 11 **danh hiệu**, trong số đó có 5 **danh hiệu** đầu là **quan trọng** hơn cả, bởi vì nó thuộc thời **Huyền sử**, nên **biểu lộ sử mệnh** của nước cũng như **quyết định** về **Hồn** nước nhiều nhất, vì thế chúng ta cần tìm hiểu 5 **danh hiệu** đó là :

**Xích Quỷ** đời **Kinh Dương Vương**

Văn Lang đời Hùng Vương, cả hai thuộc họ **Hồng Bàng**

Âu Lạc đời Thục An Dương Vương

Nam Việt đời Triệu Đà

**Giao Chỉ, Bắc thuộc** lần thứ nhất.

### I.- Hồng Bàng: 鴻 (彫) 龐

Bây giờ chúng ta đi vào từng **danh hiệu** và trước hết hãy xét tới **danh hiệu** thời **Hồng Bàng** ( 鴻 (彫) 龐 ): **Hồng** là chim lớn ( Giang điều ), còn **Bàng** là nhà Lớn ( trong có Ròng ở ). Hai chữ này gọi cho ta nguồn gốc **Viêm tộc**, ban đầu thờ **vật tổ Tiên** mà **biểu hiệu** là Chim ( 1 ), là trời với **lịch**, liên hệ đến **thời gian**. **Hồng** được ngờ là một giống hạc rất lớn trong miền sông **Dương Tử**, chim được sách **Sơn Hải kinh** kêu là **Đế giang** ( 帝江 ) hầu chắc là chim **Hồng**, vì **Hồng** kép bởi chữ **Giang** và **Điều**, nên là **Đế Giang đế Hồng** ( Dances 543. 544., 515 ). Các nhà lớn **Viêm Việt** thuộc **Huyền sử** được gọi là **Tiên nữ**, vì **Tiên** biết bay cũng như nói người phương **Nam** được gọi là có cánh ( Dances 339 ). Thí dụ: **Tam Miêu** là người có cánh chim, chắc là vì đó. Núi **Tam Ngụy** nơi **Tam Miêu** bị đày cũng gọi là **Vũ Sơn** ( 羽山 ) nghĩa là núi lông chim, nơi có loại chim chỉ có 1 đầu mà 3 mình ( Dances 243. 248 ) có màu xanh da trời, hình con tra tra . Cũng có sách gọi là **cuu** ( Dances 242 ), và do đó khí mùa bài **Si Vưu** thì phải mang lông chim ( Dances 262 ).

Nên nhớ **Si Vưu** vừa là tên riêng vừa là tên chung chỉ lá cờ, và cũng chính là bài **vũ** của **Tam Miêu** . Sau này **Điều** đi với **Văn** ( 2 ), ngược lại với **Võ** gắn liền với **Thú** . **Thú** cũng như **Võ** đi với **Hoa tộc** , vì thế **Hiên Viên** lấy hiệu Là **Hữu Hùng**, **Hùng** là một loài gấu trắng, có lẽ vì đó mà các bà quan mặc áo thêu chim **Trĩ**, còn áo các ông thêu Ròng ( H. Maspéro 210 ), vì Ròng là một loại **thú** nhưng đã **thăng hoá** tức đã **đồng hoá** với Chim nên cũng biết bay?

Dầu sao thì mối **liên hệ Điều Thú** đã có từ lâu đời, hầu chắc thuộc **giai đoạn Tam Hoàng** khi chưa có **Thú** của **Hoa Tộc**, nhưng đã có Ròng của **Viêm Tộc**, nghĩa là **Tiên Ròng** có trước lúc **Hoa Tộc** tràn vào. Ngay thời **Thiếu Hạo** đã có lệ dùng Chim làm **trang sức** cho **quan Văn** và **Thú** cho **quan Võ** ( Cordier 72 ). Về chữ **Bàng** là có thể nghĩ về lúc ấy còn nặng óc **gia tộc** nên nhấn mạnh đến nhà lớn, có thể là **đại gia đình**, **đại gia tộc giai đoạn Thị tộc Mẫu hệ** Chữ **Bàng** có thể gợi ý đến chữ **Thất** ( 室 ) là chữ có thể ngờ rằng **Viêm Việt** dùng để chỉ có nhà . Vì **Viêm Việt** đi vào **nông nghiệp** sớm, nên làm nhà đảng hoàng nơi đàn bà to quyền, nên dưới chữ **Miên** thì đến chữ **Thất** và chữ **Khư** chỉ đồ dệt vải của **Chức Nữ** đặt trên chữ **Thổ**, vì thế con gái chưa chồng kêu là “ **Thất nữ** “, **Nam** kêu **Nữ** là **Thất**, **Nữ** kêu **Nam** là **Gia**. Chữ **Gia** ( 家 ) viết với bộ **Thĩ** ( 豕 ) là con heo ,

người Tàu mấy tỉnh **Thiểm Tây, Cam Túc, Hà Nam. Mãn Châu** biết nuôi heo rất sớm ( Civ. 76 ) và nhà thường khoét vào đất đỏ trong đó **đồng cư** cả người lẫn heo. Bài “ **chiết dương liễu ca** : là một bài thơ **biểu lộ** được **phong thái** đất **Bắc** có câu:

“

**Ngã thị Lỗ gia nhi: 我是虜家兒. Bất giải Hán nhi ca: 不解漢兒歌**

“

Ta người trai đất **Bắc**. Sao hiểu được **Hán ca** “

Ta nhận thấy chữ **Gia** chỉ người trai phương **Bắc** không hiểu được **Hán ca**. Vì sông **Hán** thuộc phương **Nam**. Lâu ngày thì chữ **Gia** bớt dần hơi heo để đi lên bậc khá **tôn quý**, đến nỗi đi kèm những chức bậc cao như **thương gia, chính trị gia**. Tất nhiên không thể lên cao bằng chữ **Thất**, vì **Thất** lên tới **Thái Thất** mà **Thái Thất** là then chốt **văn hoá** vẫn nằm trong quyền **chi phối** của **Viêm Tộc** coi trọng Nhà như Nước, nên đã gắn Nhà vào Nước để ra “ Nhà Nước “, hoặc sau **biểu tượng** Nước là **Đế Diệu** kêu là **Hồng**, thì đến **biểu tượng** Nhà là **Bàng**. Ngày nay nói đến Nhà Nước là nói đến **Ý tưởng** của **tiên nhân** lúc ấy là **Hồng Bàng thị** vậy. Kêu là **Hồng Bàng** hay **Thái Thất** cũng là một: Cả hai **đanh từ** đều chỉ nền **Văn hoá** nối Nhà với Nước.

Trên đây là những **suy luận** tuy có **căn cứ** trên một số **dữ kiện** nhưng không nên hiểu cách **cố định**, mà cần **uyển chuyển** rất nhiều, **thí dụ** tuy **Điểu** đi với **Viêm tộc**, còn **Thú** đi với **Hoa tộc** là câu nói không nên đặt **biên giới** kín mít vì có thể **vật Tổ Thú** đi với **giai đoạn** săn hái, còn **Điểu** đi với **giai đoạn nông nghiệp**. **Thí dụ: Thần Nông** có đầu bò thì đầu bó có thể là **ý nghĩa Nông nghiệp**. Nên nhớ **Thần Nông** cũng có họ **Khuông** ( 兗 ) có lẽ vì bộ **đương** ( 羊 ) nên nói **Thần Nông** có đầu bò, mà cũng có thể là dấu vết thời còn săn hái? Rồi sau đến con cháu thì mới đi hẳn sang **Nông nghiệp** với **vật tổ** là **Tiên** ( Dances 259 ). Đó là **vấn đề phiền toái**, chỉ cần nhắc đến để có một **ý niệm** về hai loại **Điểu** và **Thú**, nhưng vì **tính chất biến dịch** tự **Thú** sang **Điểu** rất thường. Ông **Cổn** bị đày lên núi và **hoá** ra **Vũ** ( 羽 ) tức loài có cánh chim nghĩa là **đồng hoá** với **Tam Miêu**. **Tam Miêu** là loài cánh nhưng không bay được ( Dances 258 ). Rõ ràng **vật tổ Tiên** hay **Điểu**. Ngoài ra **biến dịch tính** còn có phép **giao thoa** giữa **Thú** và **Điểu** tức giữa hai nền **văn hoá** kiểu : “ **Âm trung hữu Dương căn** “ nên trở thành **tế nhị**. **Thí dụ Phục Hy** phải cảm **Quy** để **Củ** cho **Nữ Oa** vì **Quy** là Tròn đi với Trời, với Đục với Đàn ông, còn **Củ** là Vuông đi với Đất, Cái, Đàn bà. Thế mà đây **Nữ Oa** lại **bồng Quy** mới chết người, làm cho số học giả làm vì thế. Vậy cần nhớ luôn là chúng ta đang ở trong bầu khí **Kinh Dịch** có **tính cách giao thoa thâm thấu** với các bờ cõi nhập nhằng trôi trợt **liên miên**.

## II.- Xích Quỷ: 赤鬼

Tên nước đầu tiên của ta là **Xích Quỷ**, hai chữ này gọi ngay ra một tên **quỷ đỏ**, ít ra đỏ ở cái đất, nên hầu hết sách vở không dám bàn đến. Có người cho rằng đây cũng là một vụ chài kiêu **Si Vu**, và như vậy thì **Xích** trước kia là chữ **Tử**, còn **Quỷ** là chữ gì đó. Nhưng ta có thể giữ **y nguyên danh hiệu**, miễn là phải đặt vào **đồng văn** lúc đó. Theo quyển **Văn Hiến thông khảo** của **Mã Đoan Lâm** thì chữ **Quỷ** có nghĩa là lớn lao và hay đi với **Chủ** ( Quỷ chủ ) 鬼主 để chỉ người có quyền lớn ở vùng **Nam** ( Văn hiến 214 ). Miền **Tứ Xuyên** hay nói “ **Đô quỷ chủ** “ ( 都鬼主 ) có lẽ để chỉ người cầm đầu một ngàn nhà ( Văn Hiến 278 ). Theo **Kinh Dịch** thì **Bắc** chỉ Nước, **Nam** chỉ Lửa ( quẻ Li ) hai hành này phải giao nhau mới làm nên “ **Linh phối** “. Theo ý đó **Tư Mã Thiên** ( III 369 ) dùng câu **Ngạn ngữ** “ **Thủy dữ hỏa hợp vi túy** “ nhân khi nói tới hai ngôi sao **Thủy tinh Hỏa tinh**. Nói khác ( 368 ) ông có nhắc đến một bức chạm **Nữ Oa** và **Phục Hy** trong đó bên cạnh có con chim đỏ ( Chu tước ? ), còn bên cạnh **Nữ Oa** thì có **Huyền Vũ** ( guerrier sombre, xem thêm Dances 489 ), vì thế trong nền **văn hoá cổ đại Việt Hoa** thì **Huyền** là màu chỉ sự sống đi với nước, còn **Xích** chỉ lửa (đỏ) hay quẻ Li chỉ **Văn minh tinh thần**. Khi nói đến phần **linh thiêng** con Người thì dùng hai chữ **Nhơn Quỷ** ( 人鬼 ) đối với **Thiên thần** và **Địa chi** ( 天神地祇 ) vì thế vua quay về hướng **Nam**. Cũng như trong mỗi nhà **gia trưởng** quay về hướng **Nam** ( P. C. 3697 ). Tất cả nói lên sự **hướng vọng về Văn minh**. Khi nói các nước **Văn minh** là “ **Chư Hạ** “ thì cũng là ý đó. Vì **hạ** là mùa **Hạ** đi với **phương Nam**. Ý tưởng này phát xuất từ **Ngũ hành Hà Đồ** và **Lạc Thư** nên chắc phải có đã lâu đời lắm. Người ta còn tìm được dấu tích ở hai đời **Ân** và **Chu** có ba nước ở phương **Bắc** được xem là nước có **Văn hiến** thì nước “ **Quỷ Phương** “ là một, hai nước kia là **Côn Di** và **Huân Dục** ( **Văn học sử Trung Quốc của Dịch Quận Tử**. 42 ). Như vậy khi đặt tên cho nước là **Xích Quỷ** thì **Tiên Tổ** ta có thể nhằm một trong ba hay tất cả ba ý tưởng sau đây:

### 1.

- Một là nói lên **ý tưởng Văn minh**, trong đó chữ **quỷ** có nghĩa là **quy hướng** = “ **Quỷ quy dã** “. **Liệt tử** đã dùng chữ này trong khi nói về lúc sau chết, thì **Thần** và **hình** đều trở về chỗ **chân thực sơ nguyên** của mình. “ **Tinh thần ly hình, các quy kỳ chân**. Nên **Xích quỷ** có nghĩa là đi về phía **Văn minh chỉ thị** bằng mặt trời **phương Nam** ( **Nhật Nam** )

2. Có thể xưng mình là chủ lớn ở **phương Nam**. Điều này có thể thật khi nói về **Viêm Việt**, vẫn từ đầu đã làm chủ cả **phương Nam** lẫn **phương Bắc**. Rất có thể lúc ấy **Hoa tộc** đã tràn vào làm ung thối 6 tỉnh **Hoàng Hà**, nên **Viêm Việt** dùng **danh hiệu Xích Quỷ** để nói lên **ý chí quyết giữ chủ quyền phương Nam**.

3.- Có thể **tiền nhân** nói lên **ý chí duy trì di sản thiêng liêng** của **Viêm tộc** được ghi trong chữ **Xích**. Theo **truyền thuyết** xa xưa còn ghi lại do **Châu Diễn** thì nước Tàu



xưa kia kêu là “ **Xích Huyện Thần Châu** “ ( 赤縣神州 ) mà Ông Needham dịch là “ The spiritual continent of the Red Region “ ( Need. II. 233 ). Có lẽ đây là tên đặt cho **Trung Hoa cổ đại** đời **Tam Hoàng** để ghi nhớ việc **khai sáng** ra nền **Văn minh ( Lửa )**. Đến sau **Hoa tộc** tràn vào đổi tên mới, thì **Viêm Việt** cố **duy trì** lại bằng **danh hiệu Xích Quỷ**. Theo **Trịnh Khang Thành** thì **Xích Đế** có nghĩa ngang với **Văn Tổ** là Trời, tức là lấy **phương Nam** sáng lạng nhất ( **Xích** ) để chỉ cái **toàn thể** là **Văn Tổ**. Đó là 3 lý do **phỏng định** có lẽ không đúng về **chi tiết** nhưng nói lên được **ý chí** người xưa muốn làm **chủ phương Nam** cũng như **duy trì di sản tinh thần** của **tiên Tổ**: Là hướng tới ánh sáng **Văn minh**, tuy **danh từ** nghe lạ cho người nay, nhưng cùng một **ý nghĩa** như hai chữ **Nam Việt** sẽ nói tới. Trong đó **Việt** là **siêu việt** là vươn **tới, tương đương** với **Quỷ**. Còn **Nam** là **phương** của quê **Ly** của lửa đỏ ( **Xích** ) .

( 1 ) : *Hình như ban đầu có một giai đoạn Viêm tộc thờ vật Tổ Chim rồi từ đó tiến lên vật Tổ Tiên và Rồng. Điều chắc là về sau Chim cũng như Núi, và đàn bà vẫn đi đôi với Tiên . Vì thế mà Chim chiếm một vai trò quan trọng trong văn hoá Viêm Việt.*

( 2 ) : *Múa Văn thì cầm lông chim Trĩ và ống Sáo. Múa Vũ thì cầm cái Thuần và cái Búa. ( Kinh Thi . Bài Giản hệ 380. Bản dịch Tạ Quang Phát tr. 189 )*

### III.- Văn Lang: 文廊

**Văn Lang** là nước của những người có **Văn hiến** hay là nước những người có tục xăm mình?

Một số **học giả hiện đại** như Maspéro bảo chữ **Văn Lang** phải dịch là nước những kẻ xăm mình ( Royaume des tatoués et non rouaume des lettrés ) và **tất nhiên** được nhiều **học giả** khác theo. Nhưng chúng ta cho đó chỉ là óc **Duy Sử**, tức là một thứ **khoa học cận thị** xem thấy vỏ mà mất ruột. Trước hết là **Duy Sử** vì có nhắc đến tục vẽ mình. **An Nam chí lược** quyển I, “ Người **châu Giao**. . . vẽ mình bắt chước người **Ngô Việt** “ . Sách **Cương Mục** quyển I thì nói về **Hùng Vương** có chép rằng: “ Thời ấy  **cư dân** xuống nước hay bị **Giao long** làm hại, vua bèn dạy người lấy mực **họa thủy quái** lên mình, từ đấy mới khỏi bị hại, tục **Văn thân** xăm mình bắt đầu từ đấy “. Còn thể kể thêm sách **Toàn Thư ngoại kỷ** quyển I, cả **Hoài Nam Tử**, chương I. . . nhưng dù có nhiều **sử chứng** tới đâu cũng chưa thể **kết luận** rằng **Văn Lang** là nước những người vẽ mình, vì nếu thế phải dùng cả hai chữ “ **Văn thân** “ mới được.

Đàng khác có thể hỏi : ừ thì vẽ Rồng trên mình để giống với Rồng, nhưng giống để làm gì? Để nó khỏi ăn mình hay mình ăn nó? Bởi chúng nói rằng xăm mình để giống với **Giao Long** là một chuyện, còn giống với **Giao Long** để “ Làm gì “ là chuyện khác. Thưa câu thứ hai này sẽ biểu lộ cả một nền triết lý: Tức **Duy Vật Sử quan** hay **Duy Linh Sử quan**.

Nếu **Duy Vật** thì bảo để nó khỏi ăn mình. Ta nhận xét đời nào người xưa ngu đến độ nghĩ rằng có thể đánh lừa con vật bằng mấy nét chấm để nó nhận là **đồng tông**. Như vậy lẽ này quá yếu, nhất là khi ta nhận thấy những nơi có tục xâu mình thì thường lại dành riêng cho những hàng **quý tộc**, nghĩa là những người không phải xuống mò cá. **Việt Sử lược** quyển III, mục **Lý Anh Tôn**, năm 1157 chép về việc vua “xuông **chiếu ban luật**. . . **cấm nô gia** của các **vwang hầu** không được thích hình Rồng ở bụng. . . “ tức là giữ **độc quyền** xâu mình cho **quý phái** mà thôi. Không riêng ở nước ta, mà đâu cũng thế, việc vẽ mình đều dành riêng cho **quý tộc** cả. Trong quyển “**Văn Hiến Thông khảo**” của **Mã Đoan Lâm** ( tr. 401 ) có nói đến con gái **quý tộc** bên đảo **Hải Nam** trước khi kết bạn cũng có tục xâu mặt gọi là “**Thêu mặt:tú diện**” ( 繡面 ), cô nào càng sang thì xâu càng nhiều nét, còn dân gian thì không được phép xâu. Vậy thì xâu mình Rồng vào mình không phải để khỏi nạn Rồng ăn mà chỉ là một cách “**Đeo lon**” để **phân cấp**, chắc **tục lệ** này **phát xuất** từ lúc chưa mặc quân áo, nên lon không có chỗ khâu mới phải xâu thẳng vào mình để biết chào **đại úy** hay **thiếu tướng**. . .

Trong quyển **Văn Hiến thông khảo** “**Mã Đoan Lâm** có nhắc đến việc **Hán Vũ Đế** “**lâu lâu xâu mình Rồng** cho một ông Hoàng của chư hầu thì người ấy lấy làm ơn **trọng đại** như được nhập họ hàng **Thiên tử** ( Văn hiến 144 ). Như vậy đã rõ con Rồng ở đây đã trở thành thứ **Long linh vật Tổ**, chứ không phải là **Giao Long** ăn thịt người chi cả.

Ngược lại chính người ta ăn **Giao Long**, ăn không phải lấy no lấy béo, nhưng để chịu lấy **linh lực** của **vật Tổ**. Đó là **nghi lễ** ăn **vật Tổ** đã biến dạng dần để trở thành vẽ hình **vật Tổ** lên mình hoặc mặc áo bằng lông **vật** ( nguyên nghĩa của chữ **Phục:服** ) ( **Sơn Hải Kinh** ) là một loại sách **Thần thoại** nhằm dạy cách **tận dụng** những **linh lực** của các con **vật**, có viết rằng muốn làm chủ được những **đức tính** của con **vật** nào thì chỉ cần ăn thịt nó, hoặc mặc áo bằng da nó. Ăn thịt con tinh tinh (đười ươi) thì có sức đi mau lạ lùng. Ai mang trong thắt lưng một miếng da hay mấy cái lông con ngựa đầu trắng có vằn như con hùm mà đuôi lại đỏ thì rất dễ nhiều con trai. Ai mang lông chim cú, mặt như mặt người, mà lại chỉ có một chân thì không phải sợ sấm sét, ai mặc áo bằng da một thứ cá bay thì khỏi lo sét đánh hay **khí giới** nào cấm phạm “**phục chi bất úy lôi, khả dĩ ngự binh**” ( Dances 261 ). Con cóc là cậu ông Trời hề đã mở miệng xin là Trời nể phải cho mưa, nên ai đeo bùa làm bằng da cóc thì tránh được tên bắn của **địch**. ( Dances 530 ). Theo sự tin tưởng như trên, ta không lạ gì khi người nta tìm cách ăn thịt **Giao Long**. Vì **Long** là vật thiêng, nên xưa các vua giữ **độc quyền** cho mình .

Nước ta từ thời **lập quốc quân sĩ** đều thích đầy **long vằn** ở bụng và hai bắp vế gọi là “**Thể long**” . Đó cũng là hợp với tục dùng chữ **Long** để chỉ những ông vua mạnh nhất. Tên **Lạc Long Quân** hẳn là ở vào trường hợp này ( Văn hiến 141 ).

Giải nghĩa như thế chúng ta mới hiểu đúng **hiện tượng** vẽ mình và khi người xưa như **Triệu Ung** hay **Cao Du** cho là cốt để tránh **Giao Long** thì nên hiểu là các ngài đã mất ý thức về ý nghĩa **vật linh** rồi vậy. Cho nên cần đề cao ý nghĩa **tiêu biểu trang sức** như

chính **giáo sư** Hòa đã viết đến hai lần ( tr. 149 - 151 ) mà tại sao lại còn giữ **ý nghĩa trúc hình?**

Đáng khác tục xâm mình có thể không **liên hệ** chi tới “ **Văn Lang** “ , bởi chung đó là một **tục lệ** chung nhiều miền từ hai miền **Dương Tử giang** xuống đến Mã Lai, Océanie. . . đều có tục này, tại sao không gọi tất cả là **Văn Lang**, mà lại chỉ có nước của họ **Hồng Bàng** mới đặt tên là **Văn Lang** ? Nói cho đúng ra cũng có vài người Tàu dùng tiếng “ **Văn thân** “ để gọi ( xem **Văn hiến** tr.302 ) nhưng đó không phải là tên nước mà là nói phớt đến trong 3 chữ “ **Văn diện bộc** “ và xếp vào cùng một loại với những miền có tục **kỳ dị** như “ **Xích khẩu** “ ( xoa môi cho đỏ ) ; **triết phủ** : bẻ gãy xương sống khi con mới sinh . . . ) . Nhưng gọi thế chỉ vì những nhà **mạo hiểm** nghe hay xem thấy thế rồi về ghi lại trong dăm ba chữ , để chỉ một miền bé nhỏ xa lạ chưa ai biết đích xác ra sao. Và như thế là rất khác **trường hợp** nước ta thuộc **Bách Việt** đã lâu đời chiếm cứ 12 tỉnh miền **Nam Trung Hoa**, nghĩa là rộng hơn miền **Hoàng Hà** gấp đôi. Cũng không thể bảo rằng lúc ấy chữ **Văn** mới chỉ có nghĩa là xâm mình mà chưa đạt nghĩa **văn vật** , bởi vì lúc đó người ta đã dùng chữ **Văn** để đặt tên **Thụy** cho những người có công lớn trong **Văn học**, như năm 154 trước d. l. nhà **Hán phong** cho quan **Thái thú Tứ Xuyên** chức và người trong miền quen **xưng tụng** là “ **Văn ông** “ vì có **công** lập ra **trường học** đầu tiên để **đào tạo** và **tuyển** lựa **nhân tài**, đến năm 124 nhà **Hán** theo đó lập ra **trường đào tạo** và **tuyển** lựa “**Bác sĩ quan** “ ( theo sách **Tiền Hán** thư **chương** 89.p.2b ff và **Neeham** I. p. 106 ). Lên cao nữa là **danh** cho **Văn Vương** nhà **Chu**. Trên cùng tột phải hiểu là **Văn Tổ**.

Các sách thường không dám **giải nghĩa** Chữ **Văn Tổ**, chỉ đề là **khuyết nghị**, riêng có **Mã Dung** thì **giải nghĩa** là Trời, giải như thế là đúng, nhưng không đưa ra **lý chứng** nên không được mọi người theo. Chính ra **Văn Tổ** là Trời, hay nói cho thật chính xác thì phải nói cả Trời cả Đất theo câu “ **duy Thiên Địa vạn vật chi phụ mẫu** “ ( **Kinh Thư Thái Thệ thượng** ) và **ý nghĩa** này đã được dùng vào việc xếp đặt sông nước. Thí dụ về nước thì đời ông **Vũ** đã nói đến **Ngũ Nhạc** là 5 núi thánh của nước Tàu xếp đặt trong 4 hướng **Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung** là **Thái Sơn (泰山)** về phía **Đông** nên cũng gọi là **Đông nhạc (東岳)** thuộc tỉnh **Sơn Đông, Hoa sơn (華山)** thuộc tỉnh **Thiểm Tây, Nam nhạc** là núi về phía **Nam** gọi là **Hành sơn (衡山)** thuộc tỉnh **Hồ Nam, Bắc nhạc** là **Hằng sơn (恆山)** thuộc tỉnh **Sơn Tây** , còn **Trung nhạc** là núi **Trung ương** tên là **Tung sơn (嵩山)** thuộc tỉnh **Hà Nam**. Năm ngọn núi nói trên nói tắt là **Thái, Hoa, Hành, Hằng, Tung** ( xem **Kinh Thư, Thuấn điển**, câu 8, bản dịch **Thẩm Quýnh** tr.48 ). **Tung sơn** cũng gọi là **Sùng Sơn (崇山)** hay **Sùng Cao (崇高)** hoặc **Thái thất (太室)**.( **Legge** III. 131 ), **Thái thất** cũng là **Văn Tổ**, **Văn Tổ** cũng là **Nghệ Tổ (文祖: 文祖)** .

**Nam nhạc : Hành Sơn**



**Đông nhạc:Tung sơn ←Trung nhạc :Thái Sơn → Tây nhạc : Hoa sơn**



**Bắc nhạc : Hằng sơn**

### **Hình Ngũ nhạc**

Chữ **Nghệ** viết được cả đơn và kép (文, 藝), nhưng viết bộ đơn vẫn hay hơn, vì nói lên được hai nét Đất Trời giao hợp, do đó nảy sinh ra chữ **Văn** (文) cũng cùng ý nghĩa. Chữ **Văn** được Legge ( III. 36 ) dịch khá sát là “ the accomplished ancestor “ nghĩa là Tổ trọn vẹn **hoàn hảo**. Vậy mà trọn vẹn **hoàn hảo** cùng cực phải là “ Trời Đất **giao hội** “ và đó là **nghĩa thâm thúy nhất hợp** cho **Minh triết** là đợt thứ ba sau **Bái vật** và **Ý hệ**, vì thế lẽ ra mỗi khi ta nói đến “ **Văn hiến chi bang** “ hay “ **Văn hoá** “ là phải hiểu tới đó, hiểu tới bầu khí mà tôi gọi là “ **Tâm linh sử quan** “. Bầu khí đó đã chớm nở trên bốn ngàn năm nay và được ghi lại trong **Kinh Điển** và nổi bật trong **chương Hồng Phạm**. Bởi thế nói rằng khi **Tiên Tổ** ta đặt tên nước là **Văn Lang** thì những phần tử ý thức nhất trong các ngài đã đạt bầu **khí Tâm linh**, đó là câu nói có bằng chứng **chính xác**. Vì thế phải hiểu chữ **Văn Lang** không phải theo nghĩa là nước những người có học ( lettrés ) mà còn phải hiểu theo nghĩa cao cả nhất của chữ **Văn lang** trong **Văn Tổ** mới trúng **đại đồng văn** ( le grand context ). Và lúc ấy chữ **Văn bao hàm** hết mọi **ý nghĩa** từ thấp đến cao, mà thấp nhất là nét rần rỉ của gỗ hay đá hoặc ngọc gọi là **Văn**, Như **Văn thân**, sau cùng **Văn Tổ** như sau:

- 1.- **Văn thân**: là nét vẽ hay nét rần rỉ trong gỗ đá.
- 2.- **Văn học**: theo nghĩa **thông thường** hiện nay.
- 3.- **Văn công** : Như **Lễ Nhạc**
- 4.- **Văn đức**: Khi đã khởi đầu **hiện thực** vào **bản thân**, đã **cảm nghiệm**.
- 5.- **Văn Tổ**: đã **thể nghiệm. thể Đạo**, tức **đạt Đạo**.

Và khi xưng là “ **Văn hiến chi bang** “ thì phải **bao hàm tất cả 5 ý nghĩa trên**.

Đã biết đặt tên nước **Xích Quỷ** thì có khó chi mà không đạt độ đặt tên nước là **Văn Lang** tức là nước lấy **Văn hoá** làm nền tảng, một đợt mà Âu Châu từ đời **Phục Hưng** đã khởi công đi vào mà đến nay vẫn chưa lọt.

## BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO

### 平吳大告

Bản dịch của Trần Trọng Kim

( Xin quý chủ trương bỏ hết chữ Nho trong bài sau để xem tiếng Việt chúng ta còn lại những gì, và quý vị có sáng tạo ra thứ chữ nào thay thế?

#### Tượng mảng:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,  
**Quân điều phạt** chỉ vì khử bạo.  
Nhu nước Việt ta từ trước,  
Vốn xung Văn hiến đã lâu,  
**Sơn hà cương vực** đã chia,  
**Phong tục bắc nam** cũng khác.  
Từ **Triệu, Đinh, Lý, Trần**, gây nên **độc lập**,  
Cùng **Hán, Đường, Tống, Nguyên**, hùng cứ một **phương**.  
Dẫu **cường nhược** có lúc khác nhau,  
Song **hào kiệt** đời nào cũng có.

#### Vậy nên:

**Lưu Cung** sợ uy mất vía,  
**Triệu Tiết** nghe tiếng giạt mình.  
Cửa **Hàm Tử** bắt sông **Toa Đô**,  
Sông **Bạch Đằng** giết tươi **Ô Mã**.  
Xét xem **cổ tích**,  
Đã có **minh trung**.

#### Vừa rồi:

Vì họ **Hồ** chính sự phiền hà  
Để trong nước **nhân dân oán hận**.  
**Quân cuồng Minh** đã thừa cơ **tứ ngược**,  
Bọn **gian tà** còn bán nước **cầu vinh**.  
Nướng dân đen trên ngọn lửa **hung tàn**,  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.  
Chước dối đủ muôn nghìn khoé,  
Ác chứa ngót hai mươi năm.  
**Bại nhân nghĩa**, nát cả **càn khôn**,  
Nặng **khoá liêm** vết không **sơn trạch**.  
Nào lên rừng đào mỏ,  
Nào xuống bể mò châu,  
Nào hốt bẫy hươu đen,  
Nào lưới dò chim sả.  
**Tàn hại cả côn trùng thảo mộc**,

Nheo nhóc thay **quan quả diên liên**.  
Kẻ há miệng, đũa nhe răng, máu mỡ bầy no nê chưa chán.  
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào **phục dịch** cho vừa.  
Nặng nề về những nỗi phu phen,  
Bắt bó mắt cả nghề canh cửi.  
**Độc ác** thay! **Trúc** rừng không ghi hết tội,  
Dơ bẩn thay! Nước bể không rửa sạch mùi.  
Lẽ nào trời đất tha cho,  
Ai bảo **thần nhân** nhịn được.

Ta đây:  
Núi **Lam Sơn** dấy **nghĩa**,  
Chôn **hoang dã** nương mình.  
Ngắm non sông căm nỗi **thế thù**,  
Thề sống chết cùng quân **ngịch tặc**.  
Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa,  
Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.  
Quên ăn vì giận, **sách lược thao** suy xét đã tính;  
Ngẫm trước đến nay, lẽ **hung phế** đả đo càng kỹ.  
Những trần trọc trong cơn **mộng mị**,  
Chỉ bản khoán một nỗi **đồ hồi**.  
Vừa khi cờ **nghĩa** dấy lên,  
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:  
**Tuấn kiệt** như sao buổi sớm,  
**Nhân tài** như lá mùa thu.  
Việc **bôn tẩu** thiếu kẻ đỡ đần,  
Nơi **duy ác** hiếm người bàn bạc.  
Đôi phen vùng vẫy, vẫn đăm đăm con mắt **dục đông**,  
Mấy thừa đợi chờ, luống đàng đặng cỗ xe **hư tả**.  
Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt mờ như kẻ **vọng dương**.  
Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội vã như khi **chứng nhật**.  
Phản thì giận **hung đồ** ngang dọc,  
Phản thì lo **quốc bộ** khó khăn.  
Khi **Linh sơn lương** hết mấy **tuần**,  
Khi **Khôi huyện quân** không một **lữ**.  
Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua **bách chiết thiên ma**,  
Cho nên ta cố gắng gan bền, **chấp** hết cả **nhất sinh thập tử**.  
Múa đầu gậy, ngọn cờ phát phới, ngóng **vân nghệ** bốn cõi **đan hô**.  
Mở tiệc quân, chén rượu ngọt ngào, khắp **tướng sĩ** một lòng **phụ tử**.  
Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta **địch** nổi,  
Quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:  
Đem **đại nghĩa** để **thắng hung tàn**,

Lấy **chí nhân** mà thay **cường bạo**.  
Trận **Bồ Đằng** sấm vang sét dậy,  
Miền **Trà Lân** trúc **phá** tro bay.  
**Sĩ khí** đã hăng,  
**Quân thanh** càng mạnh.  
**Trần Trí**, **Sơn Thọ** mất vía chạy tan,  
**Phương Chính**, **Lý An** tìm đường trốn tránh.  
Đánh **Tây Kinh** phá tan thế giặc,  
Lấy **Đông Đô** thu lại cõi xưa.  
Dưới **Ninh Kiều** máu chảy thành sông,  
Bến **Tụy Động** xác đầy ngoài **nội**.  
**Trần Hiệp** đã thiệt **mạng**,  
**Lý Lượng** phải phơi thây.  
**Vương Thông** hết cấp lo lường,  
**Mã Anh** khôn đường cứu đỡ.  
Nó đã **trí cùng lực kiệt**, bó tay không biết tính sao,  
Ta đây **mur phật tâm công**, chẳng đánh mà người chịu **khuất**.  
Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui,  
Ngờ đâu còn kiếm **kế** tìm **phương**, gây mằm **tội nghiệp**.  
Cậy mình là phải, chỉ quen đồ vạ cho người,  
**Tham công** một thời, chẳng bỏ bày trò dơ duốc.  
Đến nỗi đưa trẻ ranh như **Tuyên Đức**, nhảm võ không thôi;  
Lại sai đồ nhút nhát như **Thạnh, Thăng**, đem dầu chữa cháy.

Năm **Đinh Mùi** tháng chín, **Liễu Thăng** từ **Khâu Ôn** tiến sang  
Lại năm nay tháng mười, **Mộc Thạnh** tự **Vân Nam** kéo đến.  
Ta đã **điều binh** giữ hiểm để ngăn lối **Bắc quân**,  
Ta lại sai tướng chen ngang để tuyệt đường **lượng đạo**.  
Mười tám, **Liễu Thăng** thua ở **Chi Lăng**,  
Hai mươi, **Liễu Thăng** chết ở **Mã Yên**.  
Hai mươi lăm, **Lương Minh** trận vong,  
Hai mươi tám, **Lý Khánh** tự vẫn.  
Lưỡi dao ta đang sắc,  
Ngọn giáo giặc phải lụi.  
Lại thêm quân bốn mặt vây **thành**,  
Hẹn đến rằm tháng mười **diệt tặc**.  
**Sĩ tốt** ra oai **tì hổ**,  
**Thần thú** đủ mặt **trảo nha**.  
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,  
Voi uống nước, nước sông phải cạn.  
Đánh một trận sạch không **kình ngạc**,  
Đánh hai trận tan nát chim muông.  
Cơn gió to trút sạch lá khô,  
Tổ kiến hồng sứt toang đê cũ.  
**Thôi Tụ** phải quỳ mà xin lỗi,  
**Hoàng Phúc** tự trói để ra hàng.

**Lạng Giang, Lạng Sơn** thây chắt đầy đường,  
**Xương Giang, Bình Than** máu trôi đỏ nước.  
Góm ghê thay! Sắc **phong vân** cũng đổi,  
Thảm đạm thay! Sáng **nhật nguyệt** phải mờ.  
Bình **Vân Nam** nghẽn ở **Lê Hoa**, sợ mà mất mặt;  
Quân **Mộc Thạnh** tan chung Cầu Trạm, chạy để thoát thân.  
Suối máu **Lãnh Câu**, nước sông rền rĩ,  
Thành xương **Đan Xá**, cỏ nội đâm đũa.  
Hai mặt **cứu binh**, cầm đầu trốn chạy;  
Các thành cùng kháu, cỡi giáp xuống đầu.  
Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi **phục tội**;  
Thẻ lòng trời **bất sát**, ta cũng mở đường **hiếu sinh**.  
**Mã Kỳ, Phương Chính**, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực.  
**Vương Thông, Mã Anh**, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ hôi.  
Nó đã sợ chết **cầu hoà**, ngổ lòng **thú phục**,  
Ta muốn **toàn quân** là cốt, cả nước nghỉ ngơi.

Thế mới là **mu ru** kể thật khôn,  
Vả lại suốt xưa nay chưa có.  
**Giang sơn** từ đây mở mắt,  
**Xã tắc** từ nay vững nền.  
**Nhật nguyệt** **hối** mà lại **minh**,  
**Càn khôn** **bĩ** mà lại **thái**.  
Nền **vạn thế** xây nên chẵn chẵn,  
Thẹn nghìn thu rửa sạch lâu lâu.  
Thế là nhờ trời đất **tổ tông** khôn thiêng che chở, giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!  
Vầy vùng một mảng **nhung y**,  
Nên công **đại định**,  
Phẳng lặng bốn bề **thái vũ**,  
Mở hội **vĩnh thanh**.

Bá cáo xa gần,  
Ngổ cùng nghe biết.

*Bản dịch này của Trần Trọng Kim, nhưng trong một thời gian dài đã được hiểu nhầm của Bùi Kỷ.*

Lộ tông kim dạ bạch,  
Nguyệt thị cố hương minh.

Nguyễn Đăng Na

(1) Nguyễn Đăng Na: Bình Ngô đại cáo: một số vấn đề về văn bản, Tạp chí Hán Nôm, số 4 (53) - 2002, tr.40-44.

(2) Đại Việt sử ký toàn thư, Tập V, KHXH, H. 1993. Nguyên văn đoạn này như sau:



“Đế ký bình Ngô, Đại cáo thiên hạ, kì văn viết: Nhân nghĩa chi cử...”.

- (3) Trần Trọng Kim: Sơ học An Nam sử lược, Phổ thông giáo khoa thư xã, SG., in lần đầu năm 1916, quyển 2, tr.173.
- (4) Trần Trọng Kim: Sđd., tr.173-174.
- (5) Lam Sơn thực lục, Ty Văn hoá Thanh Hoá, Sđd., tr.256.
- (6) Nguyễn Trãi Thăng Long Hà Nội, Sở Văn hoá - Thông tin, H., Sđd., tr.211.
- (7) Trần Trọng Kim: Việt Nam sử lược, Nhà in Vĩnh Thành, 1928.
- (8) Minh trung: chứng cứ rõ ràng.
- (9) Tứ ngược: hết sức làm tàn ngược.
- (10) Khoa liêm: thuế má.
- (11) Quan: người goá vợ; quả: người goá chồng; diên liên: những kẻ không có nhà ở, không trông cậy vào đâu được.
- (12) Dục đông: ý nói muốn về lấy Đông Đô.
- (13) Hư tả: cỗ xe để không bên tay trái để đợi người hiền.
- (14) Vọng dương: trông ra biển không thấy gì.
- (15) Chứng nich: vớt người chết đuối.
- (16) Dương Quảng Hàm: Việt Nam văn học sử yếu, Nha Học chính đông - Pháp xb, H., in lần đầu năm 1943, tr.262.
- (17) Bùi Kỳ: Quốc văn cụ thể, Tân Việt Nam thư xã, H., in lần đầu 1932, tr.96.
- (18) Trần Trọng kim: Việt Nam sử lược, Sđd., tr.204

( Nguồn: *Tạp chí Hán Nôm*, số 5/2002 )

## KẾT LUẬN

### I.- Vấn đề muôn thuở của Việt Nam

*Đây là cuộc chiến giữa hai nền Văn hoá Vương đạo của Việt tộc và Bá đạo của Hoa Hán hay đúng hơn là cuộc chiến giữa hai nền Văn hoá Nông nghiệp và Du mục.*

*Cuộc chiến được khởi đầu từ Lãnh tụ Du mục Hiên Hoàng đế với Si Vuu, - bộ tướng của Bà Âu Cơ - lãnh tụ của Nông nghiệp - .*

*Tuy Si Vuu đã thua trận, nhưng về Văn hóa thì cuộc chiến vẫn kéo dài cho đến ngày nay đã 4715 năm giữa Việt Nam và Trung Hoa, và vẫn còn chưa dứt.*

*Trải qua 5 lần bách hại Nho của các triều đại trước, đến đời Mao Trạch Đông, Trung cộng lại phát động cuộc Cách mạng Văn hoá để tiêu diệt Khổng giáo, tức là Nguyên Nho của Khổng Tử với câu: “ Khổng Khâu nghiệt phần chi học: Khổng giáo của Khổng Tử là cái học ăn cứt ( ? ), nhưng Trung cộng vẫn phải tiếp tục ăn cứt dài dài, vì không làm sao bỏ được chữ Nho và Hán Nho.*

*Trung cộng tuy đã giản lược chữ Nho để che lấp bớt tinh thần Vương đạo trong Hán Nho, nhưng không thể làm hết được, vì tinh thần Vương đạo của Nho nằm ngay trong cấu tạo tượng Hình, tượng Ý của từng Chữ Nho, - Ý tại ngôn ngoại – thuộc nguồn Tinh nằm trong chữ tượng Hình, tượng Ý, nếu còn dùng chữ Nho là còn mang theo tinh thần Vương đạo chống lại Bá đạo của đại Hán.*

*Nên nhớ nước Tàu có đến 9 ngôn ngữ, chỉ có chữ Bách thoại là của Hoa tộc, còn bao nhiêu là của Việt tộc, nhờ có chữ Nho mới giúp Trung hoa thống nhất được Văn tự mà thống nhất được Quốc gia.*

*Nhờ có chữ Nho của chúng Việt mà Trung hoa có phương tiện thống nhất Văn tự để cai trị 56 sắc dân và cũng để chuyên tải tính chất bạo động của Văn hoá Du mục để buộc khối dân khổng lồ noi theo mọi Âm mưu thâm hiểm vùng lên mà cướp bóc mà Bành trướng qua Nhất đời nhất Lộ.*

*Tại sao Tàu cộng ép Việt cộng dạy Hán Nho và âm mưu xúi Bùì Hiền phá Tiếng Việt?*

*Rõ ràng đợt đây là đợt gấp rút họ cố tâm phá cho tận cùng Nho giáo và tiếng Việt, đẩy dân Việt trở về thời Vô Văn hoá đưa dân Việt trở về thời mông muội mà buộc phải làm tôi mọi quốc tế cho Thiên triều.*

*Tàu cộng cũng đã mua được những tên Việt nô trong TW đảng CS, ép chúng phải đem chữ Hán vào chương trình Giáo dục có mục đích là thống nhất về Văn tự để kêu VC đem Dân Việt Nam về Nguồn bá đạo cũng như đào tạo những tên Vong nô Việt Nam để làm tôi mọi cho chúng,*

*Chúng ta không phản đối việc dạy chữ Hán, vì chẳng có chữ Hán nào để mất công chống đối, nhưng không chấp nhận được dạy chữ Nho thiếu Ngũ căn ( Bộ thủ: Radiac ) như chữ viết Giản thể, lối dạy này người Tàu không thể làm được, vì họ không là Chủ nhân, nên họ không muốn cũng chẳng hiểu sâu để mà dạy, nhất định không chấp nhận thứ chữ Nho giản thể, vì đã làm mất đi một số ngữ căn là phần quan trọng nhất của chữ Viết, mất Ngũ căn là mất Gốc, là mất Ý nghĩa thuộc Nội dung Vương đạo của Nho giáo.*

**Dạy chữ Nho ( không có chữ Hán nào cả ) theo tinh thần Hán Nho trong nhà trường là truyền bá Văn hoá bá đạo tàn dân hại nước.**

**Dạy Tiếng Việt theo lối cải cách của Bùì Hiền là vừa “ Bần cùng hóa “ vừa “ lãng nhuc “ Cấu tạo ngôn ngữ của Quốc gia.**

*Làm công việc Giản thể chính là cách làm cách mạng Văn hóa của Tàu cộng, họ cố xoá vết tích chế độ cũ bằng cách bỏ đi một số Ngữ căn ( Bộ Thủ : radical ), vì Ngũ căn trong*

chữ tượng hình, tượng ý giúp người ta nhận ra ý nghĩa Vương đạo của chữ ấy, và mặt khác việc làm cho chữ đơn giản hơn để giúp Bản cổ nông dễ học, họ chỉ cần còm áo, nên chưa cần ngay đến chữ có ý nghĩa cao sâu.

**Thiền nghĩ trong các cuộc đấu tranh để sinh tồn và phát triển thì cuộc đấu tranh về Văn hóa là quan trọng nhất, vì thiếu Văn hoá thì một đoàn lũ không thể xây dựng nên Quốc gia Dân tộc có Cơ chế xã hội hân hòi.**

**Làm Chính trị mà không móc nối được với tinh thần Văn hóa Dân tộc để có chính lược Quốc gia là làm Chính trị Vô Hồn Vô Hướng , nên Vong Bản.**

Xin trưng ít chữ làm ví dụ về sự khác biệt giữa chữ Phồn thể và Giản thể

**愛** **愛**: **Chữ Ái** trong Giản thể ( màu vàng ) đã thay chữ Tâm “心” bằng chữ Nhất “一”, người CS là loại người duy lý Vô thần chỉ biết có hận thù để giết mà cướp, nên không cần đến Tâm là lòng Yêu thương nhau.

**聖** **聖** **Chữ Thánh** trong Giản thể gồm chữ Hựu ( lại một lần nữa ) và chữ Thổ là Đất tức là người nghèo cần có ruộng cày ? Chữ Thánh trong Phồn thể phía trên gồm chữ Nhĩ ( Lỗ tai để nghe lời vô ngôn từ nguồn Tâm linh: Thính u vô thanh ) và chữ Khẩu ( miệng nói những lời Nhân Nghĩa: Giảng Đạo đức thuyết Nhân Nghĩa ), bên dưới là chữ Vương là ông Vua.

Vậy Thánh là là ông Vua có lỗ Tai biết nghe lời Vô ngôn từ Trời cao và cái miệng biết nói những điều Nhân Nghĩa. Tàu cộng đâu cần có Thánh , họ chỉ cần có loại cầm quyền như Tàn Thủy Hoàng, Tập Cận Bình...

**阳** **陽** **Chữ Dương** là khí Dương hay khí Trời, trong Giản thể gồm bộ Tiết ( bên Trái ) là đốt tre và chữ Nhật là mặt Trời ( Ban ngày ). Chữ Dương trong Phồn thể gồm bộ Tiết bên trái và bên phải thì chữ Nhật ở trên và chữ Nguyệt ở dưới , chữ Nhật và chữ Nguyệt tạo thành chữ Dịch với chữ Nhật thì viết thường, còn chữ Nguyệt viết biến thể thành chữ Dịch “易” như Kinh Dịch. Dịch người Tàu chỉ có Độc Dương ( Long ), nên phải viết chữ Dương theo Giản thể mới đúng kiểu Du mục .

**獻** **獻** **Chữ Hiến** trong Giản thể gồm chữ Nam ( người phương Nam ) và chữ Khuyển là Chó. Việt Nam là **Văn hiến chi bang** do Vua nhà Minh tặng cho nhà Trần, còn Tàu thì không thấy nói đến Văn hiến: Văn là Văn hóa, Hiến là những Vị sống theo nền Văn hóa đó đã hy hiến Thân Tâm cho Đất nước. Trước kia các nhà cầm quyền Tàu gán cho Tổ Tiên Việt là man di mọi rợ, ngày nay Trung cộng miệt thị những vị hy hiến thân Tâm cho nước của VN là con Chó phương Nam!

**養** **養** **Chữ Dưỡng** trong Giản thể gồm bộ Dương ( con Dê thuộc mục súc trong Nông nghiệp ) ở trên và bộ Nhi ( 冫 : ? ) là trẻ con ở dưới , còn chữ Dưỡng trong Phồn thể thì có bộ Dương ở trên và chữ Thực ở dưới là ăn, vậy muốn nuôi thì phải trồng trọt hay chăn nuôi để có của mà cho ăn .

**东** **Chữ Đông** trong chữ **Phồn thể** thì gồm chữ **Nhật** là mặt Trời và chữ **Mộc** là cây ghép lại với nhau, tức **Đông** là phía **Mặt Trời** mọc cung cấp nguồn năng lượng giúp cây cối sinh trưởng, còn chữ **Giản thể** thì bên dưới thì có chữ **mộc** còn bên trên không hiểu thuộc bộ nào, nên phía **Đông** không có mặt Trời mọc mà chỉ có **Mao Tse Tung** với **Đông phương hồng!**

Xin quý vị chuyên về **Chữ Nho** tiếp tay để làm sáng rõ thêm vấn đề **Phồn Thể** và **Giản thể**.

...

## II.- Vấn đề lâu dài của Nhân loại

Hiện nay trên thế giới, tuy tình trạng “**Dĩ Cường lãng Nhược**: Cá Lớn nuốt cá Bé” đã lắng xuống phần nào nhờ phong trào Dân chủ đang ngày một cao hơn, tuy nhiên Nhân loại vẫn đang còn bị Vũ khí tàn sát hàng loạt của kẻ mạnh cũng như hành động khủng bố của kẻ yếu đe dọa cách này hay cách khác làm cho cuộc sống Nhân loại không yên. Qua cái nhìn của Dịch Lý Âm / Dương hoà chúng ta thấy hai yếu tố **Cương / Nhu** còn chưa được hài hòa, hy vọng với sinh hoạt Dân chủ có tầm vóc quốc tế sẽ làm cho tình trạng rối loạn xã hội ngày một giảm bớt đi, tình trạng này sẽ được cải thiện một cách nền tảng khi lối sống **Tình / Lý** hay **Tâm linh / Khoa học trên toàn cầu được lưỡng nhất**, đây là một tiến trình lâu dài, cho tới khi lối sống **Tâm linh / Khoa học của Nhân loại được lưỡng nhất** thì Nhân loại sẽ có Hòa bình, khi có Hòa bình vĩnh cửu là khi không có biến dịch, nên nhân loại có thể không còn trên mặt Đất, vì “**Hóa nhi đa hý lộng**” cầm chịch “**cái Quay búng sẵn trên Trời**” !.

## Việt Nhân

### Tham khảo

#### Simplified ( Giản ) and Traditional ( Phồn ) Chinese ( ? ) Characters

Your business knows it needs to translate and [localize content into Chinese](#), but at this point, you have a lot of questions. Should it be Simplified Chinese or Traditional Chinese? What’s the difference? How do these character differences relate to regional Chinese forms? Does the content type (text, video, etc) matter when choosing which to use? Here we’ll give a brief overview of what the differences are between these two character sets and what to consider when translating your own content.

#### **Simplified Chinese (SC): Chữ Giản thể**

Today this set of Chinese characters is used in mainland China and by people of Chinese origin in Singapore. A relatively modern form of text, Simplified Chinese (SC) was created as a way to encourage literacy and was made official with the establishment of the People’s Republic of China in 1949. The characters have fewer strokes than Traditional Chinese (TC).

Although SC is simple, it continues to evolve. Even as recently as 2013, the Chinese government released an official List of Commonly Used Standardized Characters. This list contained 45 newly recognized standard characters (previously considered variant forms) and 226 characters simplified by analogy (most of which already were widely used).

### **Traditional Chinese (TC): Chữ Phồn thể**

This character set is used in Hong Kong and Taiwan. As its name implies, this is a more traditional version of Chinese that has been written by people for thousands of years. The characters often have more strokes than in Simplified Chinese.

### **The Differences**

At the beginning, the differences between these two writing methods only had to do with stroke types. However, new words and concepts that have developed since the 1950s (including words like *internet* and *software*) have different forms in SC and TC. Distance (both **political and physical**) between the People's Republic of China, Hong Kong, and Taiwan has also caused variations in style and vocabulary, similar to those between British and US English.

#### **For example:**

The translation of *lunch box* in Simplified Chinese uses two characters, 盒饭, which literally mean “boxed food”. The Traditional Chinese, on the other hand, is influenced by Japanese and uses transliteration to create this word as 便當, which sounds the same as the Japanese word, “*Bento*”.

---

Tài liệu dành cho những Vị hiểu rõ Ngữ căn chữ Nho để nhận ra sự khác biệt giữa Tinh thần Bá đạo và Vương đạo trong Ngôn ngữ thuộc Nho giáo và Hán Nho cùng Cộng sản Trung hoa.

### **简体繁体字表:Giản thể Phồn thể tự biểu:**

#### List of Simplified/Traditional Chinese Characters

By Xah Lee. Date: 2016-09-23. Last updated: 2018-08-01.

The following is a list of the core simplified characters. There are 510 of them.

A	碍礙	肮骯	袄襖
A	爱愛		

B 坝壩 板闆 办辦 帮幫 宝寶 报報 币幣 毙斃 标標 表錶 别譬 卜蔔 补補  
 B 罢罷 备備 贝貝 笔筆 毕畢 边邊 宾賓  
 C 才纔 蚕蠶 灿燦 层層 換換 逸讒 饒饒 缠纏 忤懣 偿償 厂廠 彻徹 尘  
 塵 衬襯 称稱 惩懲 迟遲 冲衝 丑醜 出齣 础礎 处處 触觸 辞辭 聪聰 丛叢  
 C 参參 仓倉 产產 长長 尝嘗 车車 齿齒 虫蟲 臼芻 从從 窜竄  
 D 担擔 胆膽 导導 灯燈 邓鄧 敌敵 彙糴 递遞 点點 淀澱 电電 冬慄 斗  
 鬥 独獨 吨噸 夺奪 墮墮  
 D 达達 带帶 单單 当當 当噹 党黨 东東 动動 断斷 对對 队隊  
 E 儿兒  
 E 尔爾  
 F 砬砬 范範 飞飛 坟墳 奋奮 粪糞 凤鳳 肤膚 妇婦 复復 复復  
 F 发發 发髮 丰豐 风風  
 G 盖盖 干乾 干幹 赶趕 个个 巩鞏 沟溝 构構 购購 谷穀 顾顧 刮颯 关  
 關 观觀 柜櫃  
 G 冈岡 广廣 归歸 龟龜 国國 过過  
 H 汉漢 号號 合閣? 閤 轰轟 后後 胡鬍 壶壺 沪滬 护護 划劃 怀懷 坏壞 欢  
 歡 环環 还還 回迴 伙夥 荻獲 荻穫  
 H 华華 画畫 汇匯 汇彙 会會  
 J 击擊 鸡雞 积積 极極 际際 继繼 家家 价價 艰艱 歼殲 莛藎 拣揀 硷  
 鹼 舰艦 姜薑 浆漿 浆漿 奖獎 讲講 酱醬 胶膠 酱醬 阶階 疔癬 洁潔 借  
 藉 仅仅 惊驚 竞競 旧舊 剧劇 据據 惧懼 卷捲  
 J 几幾 夹夾 戈戈 监監 见見 荐薦 将將 节節 尽盡 尽儘 进進 举舉  
 K 开開 克剋 垦墾 恳懇 夸誇 块塊 亏虧 困困

K 壳殼  
 L 腊臘 蜡蠟 兰蘭 拦攔 栏欄 烂爛 累累 垒壘 类類 里裏 礼禮 隶隸 帘  
 簾 联聯 怜憐 炼煉 练練 粮糧 疗療 辽遼 了瞭 猎獵 临臨 邻鄰 岭嶺 庐  
 廬 芦蘆 炉爐 陆陸 驴驢 乱亂  
 L 来來 乐樂 离離 历歷 历曆 丽麗 两兩 灵靈 刘劉 龙龍 娄婁 卢盧 虜  
 虜 鹵鹵 录錄 慮慮 仑侖 罗羅  
 M 么麼 霉黴 蒙矇 蒙濛 蒙蒙 梦夢 面麵 庙廟 灭滅 蔑嶷 亩畝  
 M 马馬 买買 卖賣 麦麥 门門 甬甬  
 N 恼惱 脑腦 拟擬 酿釀 疰瘧  
 N 难難 鸟鳥 聶聶 宁寧 农農  
 P 盘盤 辟闢 萃蘋 凭憑 扑撲 仆僕 朴樸  
 Q 启啟 筌籤 千韃 牵牽 纤緯 纤織 窍竅 窃竊 寢寢 庆廈 琼瓊 秋鞦 曲  
 麴 权權 劝勸 确確  
 Q 齐齊 岂豈 气氣 迁遷 金僉 乔喬 亲親 穷窮 区區  
 R 让讓 扰擾 热熱 认認  
 S 洒灑 伞傘 丧喪 扫掃 涩澀 晒曬 伤傷 舍捨 沈瀋 声声 胜勝 湿濕 实  
 實 逃適 势勢 兽獸 书書 术術 树樹 帅帥 松鬆 苏蘇 苏蘇 虽雖 随隨  
 S 嗇嗇 杀殺 审審 圣聖 师師 时時 寿壽 属屬 双双 肃肃 岁歲 孙孫  
 T 台臺 台檯 台颱 态態 坛壇 坛壇 叹嘆 眷膳 体體 棗糴 铁鐵 听聽 厅  
 廳 头頭 图圖 涂塗 团團 团糰 椭橢  
 T 条條  
 W 洼窪 袜襪 网網 卫衛 穩穩 务務 雾霧  
 W 万萬 为為 为為 韦韋 乌烏 无無  
 X 牺犧 习習 系係 系繫 戏戲 虾蝦 吓嚇 咸鹹 显显 宪憲 县縣 响響 向  
 嚮 养養 肋脅 褻褻 衅衅 兴興 须鬚 悬懸 选選 旋旋  
 X 献獻 乡鄉 写寫 寻尋

Y	压壓	盐鹽	阳陽	养養	痒癢	样樣	钥鑰	药藥	爷爺	叶葉	医醫	亿億	忆
憶	应應	痲癰	拥擁	佣傭	踊踴	忧憂	优優	邮郵	余餘	御禦	吁籲	郁鬱	誉
譽	渊淵	园園	远遠	愿願	跃躍	运運	酝醞						
Y	亚亞	亚亞	严嚴	厌厭	尧堯	业業	页頁	义義	艺藝	阴陰	隱隱	犹猶	鱼
魚	与與	云雲											
Z	杂雜	脏臟	脏臟	脏髒	凿鑿	枣棗	灶竈	斋齋	毡氈	战戰	赵趙	折摺	这
這	征徵	症癥	证證	只隻	只祇	只祇	致緻	制製	钟鐘	钟鍾	肿腫	种種	众
眾	昼晝	朱珠	烛燭	筑築	庄莊	桩樁	妆妝	装裝	壮壯	状狀	准準	浊濁	恚
總	钻鑽												
Z	郑鄭	执執	质質	专專									

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)




**VIỆT NAM VĂN HIẾN**


[www.vietnamvanhien.info](http://www.vietnamvanhien.info)

TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 5500 TÁC PHẨM





